

KHẮNG ĐỊNH UY TÍN, THƯƠNG HIỆU XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI



BÁO CÁO | 2020 THƯỜNG NIÊN

Địa chỉ: Khối 7 - Phường Quỳnh Thiện - Thị xã Hoàng Mai - Tỉnh Nghệ An
Điện thoại: 0238.3866.170 - Fax: 0238.3866.648
Email: sales@ximanghoangmai.vn
Website: www.ximanghoangmai.vn



Công Ty Cổ Phần Xi Măng Vicem Hoàng Mai

THÔNG điệp CỦA TÔNG GIÁM ĐỐC

GIỚI THIỆU CÔNG TY

- 8. Thông tin khái quát
- 10. Tầm nhìn, Sứ mệnh, Giá trị cốt lõi
- 12. Quá trình hình thành và phát triển
- 16. Ngành nghề kinh doanh, sản phẩm
- 18. Thị trường tiêu thụ
- 20. Mô hình quản trị
- 23. Giới thiệu ban điều hành
- 32. Chiến lược phát triển

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

- 36. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc
- 53. Báo cáo của Hội đồng quản trị
- 56. Kế hoạch kinh doanh năm 2021

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 64. Tổng quan về quản trị Công ty
- 66. Hoạt động của Hội đồng quản trị
- 72. Hoạt động của Ban kiểm soát
- 74. Thu lao của HĐQT và Ban kiểm soát
- 76. Quản trị rủi ro

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 74. Phát triển các giá trị bền vững quốc gia
- 76. Tuyên bố Hà Nội
- 78. Hành động phát triển bền vững
- 82. Hành động cụ thể và thành quả đạt được từ trách nhiệm bảo vệ môi trường
- 86. Trách nhiệm xã hội và cộng đồng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 98. Thông tin chung
- 99. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- 100. Báo cáo Kiểm toán độc lập
- 102. Bảng cân đối kế toán
- 104. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- 105. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- 107. Thuyết minh Báo cáo tài chính

Thông điệp Của Tổng Giám đốc

Kính gửi: Quý cổ đông
Khách hàng, đối tác và các cán bộ công nhân viên
của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai

Thay mặt Ban lãnh đạo Công ty cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai (Công ty), tôi xin được gửi lời chúc tốt đẹp nhất đến Quý cổ đông, khách hàng, đối tác và cán bộ công nhân viên của Công ty, những người đã hợp tác, cống hiến, đồng hành, dành nhiều tình cảm và tâm huyết với Công ty trong suốt thời gian qua.

Năm 2020 là một năm đầy thách thức đối với thế giới, trong bối cảnh đại dịch COVID-19 tàn phá nền kinh tế, khủng hoảng trên thị trường lao động thế giới, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung... Bên cạnh đó, Việt Nam còn chịu ảnh hưởng nặng nề của thiên tai lũ lụt Miền trung và xâm nhập mặn Vùng Tây Nam bộ.

Theo số liệu thống kê từ Hiệp hội Xi măng Việt Nam, năm 2020 tổng sản lượng tiêu thụ đạt 100 triệu tấn, trong đó, tiêu thụ nội địa là 62 triệu tấn giảm gần 3 triệu tấn so với năm 2019, kênh xuất khẩu được duy trì và phát huy tốt, tổng sản lượng xuất khẩu năm 2020 đạt kỷ lục với hơn 38 triệu tấn, tăng khoảng 12% về lượng, tăng hơn 3% về giá trị so với thực hiện năm 2019.

Năm 2020 có thể nói là năm đầy khó khăn đối với Công ty khi chịu ảnh hưởng kép nặng nề từ đại dịch COVID-19 và lũ lụt tại Miền trung. Trong bối cảnh khó khăn đó, tập thể Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và người lao động Công ty đã nỗ lực ứng phó, cùng với sự chỉ đạo, hỗ trợ của Tổng Công ty, các đơn vị thành viên VICEM, Công ty đã đạt được nhiều thành tích trong sản xuất, tiêu thụ, tiết giảm chi phí tuy nhiên hiệu quả sản xuất kinh doanh vẫn chưa đạt được như kỳ vọng.

Năm 2021 được đánh giá là một năm không ít khó khăn đối với nền kinh tế nói chung và ngành xi măng nói riêng. Đại dịch COVID-19 trên thế giới còn diễn biến phức tạp, cùng với việc điều chỉnh chính sách vĩ mô khó lường của các quốc gia. Mặc dù năm 2020, ngành xi măng xuất khẩu tăng cao tuy nhiên thị trường chính xuất khẩu của Việt Nam vẫn là Trung Quốc (hơn 22 triệu tấn) và Philippines (hơn 6 triệu tấn). Việc thị trường xuất khẩu xi măng phụ thuộc lớn vào Trung Quốc có thể là mối lo ngại đối với ngành nhất là khi chính sách tài khóa tại Trung Quốc có thể bị thắt chặt trong tương lai (theo báo cáo triển vọng ngành xi măng năm 2021 của Trung tâm phân tích chứng khoán SSI). Bên cạnh đó, chính sách bảo hộ sản xuất xi măng trong nước từ thị trường xuất khẩu chính của Công ty là Philippines vẫn chưa có dấu hiệu thay đổi, việc áp dụng thuế phòng vệ tại thị trường xuất khẩu xi măng của Việt Nam gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp. Tuy nhiên, với những kết quả tích cực trong công tác phòng chống COVID-19 của Việt Nam, cùng với các biện pháp kịp thời tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp của Chính Phủ, đặc biệt với thành công Đại hội XIII của Đảng sẽ tạo điều kiện cho Việt Nam nhanh chóng khôi phục nền kinh tế.

Cùng với những thuận lợi và thách thức mới, với kỳ vọng đưa Vicem Hoàng Mai trở thành một thương hiệu tiêu biểu toàn ngành trong tương lai không xa, Ban lãnh đạo Công ty xin hứa luôn nỗ lực hết mình để đưa Công ty ngày càng phát triển.

Xin gửi lời cảm ơn chân thành tới các quý vị đã đồng hành cùng chúng tôi trong thời gian qua và mong muốn tiếp tục nhận được sự quan tâm, đồng hành, tâm huyết của các Quý vị để cùng chung tay xây dựng Công ty phát triển bền vững.

Trân trọng./.



Nguyễn Quốc Việt
Tổng giám đốc
Nghệ An, ngày 15 tháng 04 năm 2021



GIỚI THIỆU CÔNG TY ►

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT
2. TÂM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI
3. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN
4. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH, SẢN PHẨM
5. THỊ TRƯỜNG TIÊU THỤ
6. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ
7. GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH
8. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai được thành lập ngày 07/10/1995, nằm trong hệ thống 10 công ty thành viên sản xuất xi măng phân bố trên khắp cả nước do Tổng công ty Xi măng Việt Nam (VICEM) nắm giữ cổ phần và chỉ đạo chiến lược hoạt động. Cùng với Vicem Hoàng Thạch, Vicem Bim Sơn, Vicem Hà Tiên,... Vicem Hoàng Mai đóng vai trò quan trọng trong việc sản xuất và cung ứng xi măng và clinker mang nhãn hiệu VICEM. Trụ sở chính và nhà máy đặt tại Thị xã Hoàng Mai thuộc vùng kinh tế Nam Thanh Bắc Nghệ, với vị trí thuận lợi về giao thông đường sắt, thủy, bộ, có nguồn nguyên liệu dồi dào, chất lượng cao. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và thực hiện chủ trương đổi mới theo chỉ đạo từ VICEM, công ty đã cổ phần hóa thành công, chính thức đổi mới mô hình quản lý doanh nghiệp với vốn điều lệ 720 tỷ đồng vào ngày 01/04/2008, trong đó Nhà nước nắm giữ 70,96% vốn, tạo đà thuận lợi cho bước phát triển mới của Vicem Hoàng Mai trong cơ chế mở cửa của nền kinh tế đất nước.

Bắt đầu những bước đi đầu tiên dựa trên định hướng của Tổng công ty Xi măng Việt Nam, cho đến nay, Vicem Hoàng Mai ngày càng khẳng định được vị thế vững chắc trong hệ thống các công ty

thành viên và góp phần không nhỏ trong việc đưa biểu tượng “con chim Lạc” đến với người tiêu dùng trong nước và quốc tế. Công ty vẫn luôn bền bỉ hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng sản phẩm và hoạt động vì sự phát triển bền vững sau chặng đường hơn 25 năm tạo dựng nền móng, không ngừng phát huy thế mạnh và khắc phục hạn chế để ngày càng hoàn thiện. Đưa slogan truyền thống “Thách thức thời gian” xuất hiện trên bao bì mỗi sản phẩm đến với người tiêu dùng, ban lãnh đạo cùng tập thể cán bộ công nhân viên Vicem Hoàng Mai nhận thức rõ việc doanh nghiệp muốn phát triển dài hạn thì phải chú trọng hơn hết các vấn đề mang tính bền vững có liên quan mật thiết với xã hội và môi trường sống. Vì vậy công ty luôn đề cao việc gắn chặt các mục tiêu, định hướng dài hạn của mình với cộng đồng địa phương nói riêng và toàn xã hội nói chung thông qua các hoạt động, dự án bảo vệ môi trường và tích cực cống hiến vì sự nghiệp an sinh đất nước. Đáp ứng sự tin tưởng ngày càng cao của người tiêu dùng với thương hiệu Việt, Vicem Hoàng Mai vững tin vào một tương lai lớn mạnh hơn trong toàn ngành xi măng và đóng góp nhiều hơn nữa trong cả ba lĩnh vực kinh tế - môi trường - xã hội của đất nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI

Khối 7, Phường Quỳnh Thiện, Thị xã Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An

Điện thoại: (0238) 3866 170 Fax: (0238) 3866 648

Email: sales@ximanghoangmai.vn

Website: <http://ximanghoangmai.vn>

Tên tiếng Anh: Vicem Hoangmai Cement Joint Stock Company

Vốn điều lệ: 747.691.310.000 đồng

Số lượng cổ phiếu: 74.769.131 cổ phiếu

Mã cổ phiếu: HOM

SỨ MỆNH

Không ngừng đổi mới, sáng tạo, nghiên cứu nhằm phát triển, đa dạng hóa sản phẩm, đảm bảo cung ứng xi măng và clinker ra thị trường trên cơ sở tối ưu hóa hiệu quả hoạt động nhưng giảm thiểu tác động đến môi trường.

Đầu tư cho tương lai theo định hướng tiên phong của VICEM nhằm đóng vai trò dẫn dắt trong chuyển đổi công nghệ ngành xi măng bằng Những giải pháp thúc đẩy sản xuất bền vững, phát triển các sản phẩm thân thiện với môi trường và hòa nhập cùng thị trường thế giới.

TÂM NHÌN

Phát huy thế mạnh về tiềm năng nguồn nguyên liệu và điều kiện hạ tầng để phát triển sản xuất, kinh doanh xi măng nhằm chiếm lĩnh thị phần cốt lõi, thị trường mục tiêu, thúc đẩy thị trường tiềm năng và xuất khẩu.

Đảm bảo hài hòa các lợi ích: lợi ích cho nhà nước, lợi ích cho các nhà đầu tư và lợi ích cho người lao động; cùng Tổng công ty Xi măng Việt Nam phấn đấu đưa công nghiệp xi măng trở thành một trong những ngành công nghiệp mũi nhọn, góp phần gây dựng và phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Tận dụng lợi thế địa lý với nguồn nguyên liệu đá vôi, đất sét dồi dào, trữ lượng lớn, chất lượng và tính ổn định cao để nâng cao quy hoạch, khai thác lâu dài, khẳng định uy tín dựa trên chất lượng sản phẩm

Đồng bộ hóa, đổi mới và nâng cấp thiết bị, áp dụng công nghệ hiện đại nhằm cải tiến năng suất và chất lượng sản phẩm, tạo ra thêm các giá trị kinh tế vượt trội

Áp dụng và cải tiến thường xuyên hiệu lực của hệ thống quản lý chất lượng nhằm tối thiểu hóa tỷ lệ lỗi, tối ưu hóa năng lực sản xuất, đáp ứng đầy đủ nhu cầu trong nước và phục vụ hoạt động xuất khẩu

Lấy con người làm yếu tố then chốt, không ngừng bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và đầu tư cho công tác quản lý để đảm bảo duy trì sản xuất an toàn, ổn định, đạt được hiệu quả cao

CORE VALUES

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

07/10/1995

Thành lập Công ty Xi măng Nghệ An - tiền thân của Công ty Xi măng Hoàng Mai được thành lập theo Quyết định số 2629/QĐ.UB của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, mục đích để làm chủ đầu tư dự án xi măng Hoàng Mai

18/10/2000

Công ty Xi măng Hoàng Mai trở thành thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam (VICEM), trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An sau buổi ký kết biên bản bàn giao giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An và Tổng Công ty Xi măng Việt Nam

01/07/2002

Công ty bước sang giai đoạn sản xuất kinh doanh chính thức trong hệ thống các công ty thành viên thuộc VICEM sau quá trình sản xuất thử. Nhà máy Xi măng Hoàng Mai được vận hành với dây chuyền sản xuất xi măng hiện đại, lò nung đạt công suất 4.000 tấn clinker/ngày, đốt 100% bằng than anthraxit tiết kiệm nhiên liệu, hiệu quả kinh tế cao

09/03/2007

Bộ Xây dựng ban hành Quyết định số 367/QĐ-BXD về chủ trương cổ phần hóa các công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam. Căn cứ chủ trương cổ phần hóa đồng loạt, Xi măng Hoàng Mai đã tổ chức bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 30/11/2007

09/07/2009

Cổ phiếu HOM của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai được phép tiến hành phiên giao dịch đầu tiên trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

09/06/1999

Công ty tiến hành khởi công đồng loạt các hạng mục công trình chính thuộc dây chuyền sản xuất của dự án xi măng Hoàng Mai

06/03/2002

Nhà máy đã cho ra lò những tấn clinker đầu tiên đạt chất lượng tốt sau 32 tháng khởi công xây dựng. Hoàng Mai là một trong số ít các nhà máy xi măng tại Việt Nam cho ra lò những tấn clinker tốt nhất ngay ở giai đoạn đầu của quá trình sản xuất, không có phế liệu trong quá trình hiệu chỉnh - nghiệm thu chạy thử

2004

Công ty được cấp chứng chỉ quản lý chất lượng ISO 9001:2000 và chứng chỉ quản lý môi trường ISO 14001:1999. Sản phẩm của Công ty đạt được nhiều huy chương, giải thưởng và được Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh Nghệ An, Bộ xây dựng, Tổng công ty xi măng Việt Nam tặng nhiều cờ thưởng thi đua

27/02/2008

Hội đồng thành viên Tổng công ty Xi măng Việt Nam ban hành Quyết định số 219/QĐ-XMVN về việc điều chỉnh phương án cổ phần hoá và đổi tên Công ty Xi măng Hoàng Mai thành Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai, nay là Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai. Ngày 01/04/2008, Vicem Hoàng Mai đã chính thức đi vào hoạt động với quy mô vốn điều lệ 720 tỷ đồng, trong đó Nhà nước nắm giữ 510,918 tỷ đồng

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

THÀNH TÍCH TIÊU BIỂU TỪ NĂM 2012 ĐẾN NAY



2012

Vicem Hoàng Mai được chứng nhận top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam.

Vicem Hoàng Mai được chứng nhận là nhãn hiệu cạnh tranh tại Việt Nam.

Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An trao tặng bằng khen cho Vicem Hoàng Mai với thành tích tuần thủ tốt nghĩa vụ Thuế.

2014



2015

Chủ tịch nước trao tặng huân chương lao động hạng nhì cho những cống hiến của Vicem Hoàng Mai giai đoạn 2010-2014.

Vicem Hoàng Mai vinh dự nhận Giải bạc chất lượng quốc gia.



2016

Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ theo QĐ 420/QĐ-TTg ngày 17/3/2016.

Bằng khen của Công đoàn ngành xây dựng theo QĐ 284/QĐ-CĐXD ngày 10/5/2016.

Bằng khen của Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam theo QĐ 879/QĐ-TLĐ ngày 27/4/2016.

Cờ thi đua của Bộ Xây dựng; Cờ thi đua Công đoàn ngành xây dựng; Cờ thi đua Công đoàn Tổng công ty Xi măng Việt Nam.



2017 - 2020

Bằng khen chứng nhân đơn vị điển hình tiên tiến trong công tác phòng cháy chữa cháy của Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An.

Vicem Hoàng Mai được chứng nhận đơn vị điển hình tiên tiến trong công tác phòng cháy chữa cháy.

Bằng khen của Bảo hiểm xã hội tỉnh Nghệ An.

Bằng khen của Tổng công ty Xi măng Việt Nam.





NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ SẢN PHẨM

Sản xuất kinh doanh chính của Công ty là clinker và xi măng, doanh thu của dòng sản phẩm chủ đạo này chiếm gần 100% tổng doanh thu của Vicem Hoàng Mai trong năm 2020. Sản phẩm xi măng poóc lăng hỗn hợp PCB40 được tin dùng trong nhiều năm qua bởi chất lượng và tính linh hoạt trong việc áp dụng cho cả các công trình nhà ở lẫn xây dựng công nghiệp. Sản phẩm đầu ra của công ty đều được thông qua khâu kiểm soát chất lượng chặt chẽ với bộ tiêu chuẩn ISO 9001:2015, đảm bảo thân thiện với môi trường theo đúng yêu cầu của bộ tiêu chuẩn ISO 14001:2015, đảm bảo an toàn cho người và thiết bị theo đúng yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 45001:2018 và được phổ biến trên phạm vi toàn công ty.

Sản xuất, kinh doanh
Xi măng, Clinker



Khai thác đá vôi, đá
sét để sản xuất và
kinh doanh



Năng lực sản xuất

Nhà máy xi măng Vicem Hoàng Mai có công suất 1,26 triệu tấn Clinker trên một năm tương đương với 1,4 triệu tấn xi măng trên 1 năm, sản xuất xi măng theo phương pháp khô, lò quay do hãng FCB (Cộng hòa Pháp) chuyển giao công nghệ và phương pháp đồng bộ.

Sản phẩm nổi bật



XI MĂNG PCB30



XI MĂNG PCB40



XI MĂNG POỐC LĂNG

THỊ TRƯỜNG TIÊU THỤ



Thị trường tiêu thụ của xi măng Vicem Hoàng Mai từ Nam Thanh Hoá đến Miền Trung, trong đó thị trường Bắc Trung Bộ chiếm thị phần lớn, đặc biệt là tại thị trường Nghệ An sản phẩm xi măng Vicem Hoàng Mai chiếm thị phần trên 30%. Trong các năm qua, xi măng Vicem Hoàng Mai đã khẳng định được vị trí của mình trên thị trường xi măng cả nước và xuất khẩu sang các nước Philipines, Lào và nhiều nước trong khu vực...

Với ưu thế về mặt địa lý tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình lưu thông sản phẩm đầu ra tới các nhà phân phối, đại lý tiêu thụ thông qua cả đường sắt, đường bộ và đường thủy, trong khi đường sắt và đường bộ thuận tiện cho việc tiêu thụ xi măng trong nước thì đường thủy là thế mạnh để xi măng Hoàng Mai đến được thị trường nước ngoài và vận chuyển vào các tỉnh miền Trung một cách thuận tiện nhất. Trên tinh thần khắc phục khó khăn và tận dụng những điểm lợi sẵn có, Vicem Hoàng Mai đã và đang trở thành một điểm sáng trên vùng kinh tế Nam Thanh Bắc Nghệ, góp phần đẩy mạnh kinh tế ngành, cống hiến hết mình cho cộng đồng địa phương và không ngừng tạo ra các giá trị thiết thực trong đời sống người dân thông qua các sản phẩm tâm huyết.

Các sản phẩm của Vicem Hoàng Mai đã và đang được cung cấp cho các công trình trọng điểm quốc gia như: Trung tâm hội nghị Quốc gia, Thủy điện Bản Vẽ, Hủa Na, Trung Sơn, Bá Thước, Thủy lợi Ngân Trươi,... Các công trình cầu: Cầu Vĩnh Tuy, Bến Thủy 2,... Các dự án lớn: Tổ hợp gang thép Formosa, Khu kinh tế Nghi Sơn, Khu kinh tế Vũng Áng...

MAX Pro

PORTLAND COMPOSITE CEMENT EN 197-1

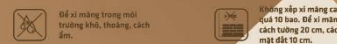


Sản phẩm vì người tiêu dùng
Xi măng MAX Pro
Chống nứt thấm, Đẹp mái ấm

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

CẤP PHỐI	XI MĂNG	CÁT VÀNG	ĐÁ ĐÀM
Vữa xây, trát (Mác 100)	1 x	6 x	-
Vữa xây, trát (Mác 150)	1 x	4 x	-
Vữa xây, trát (Mác 200)	1 x	3 x	-
Bê tông (Mác 200)	1 x	1,5 x	2,5 x

HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN



GIỚI THIỆU SẢN PHẨM

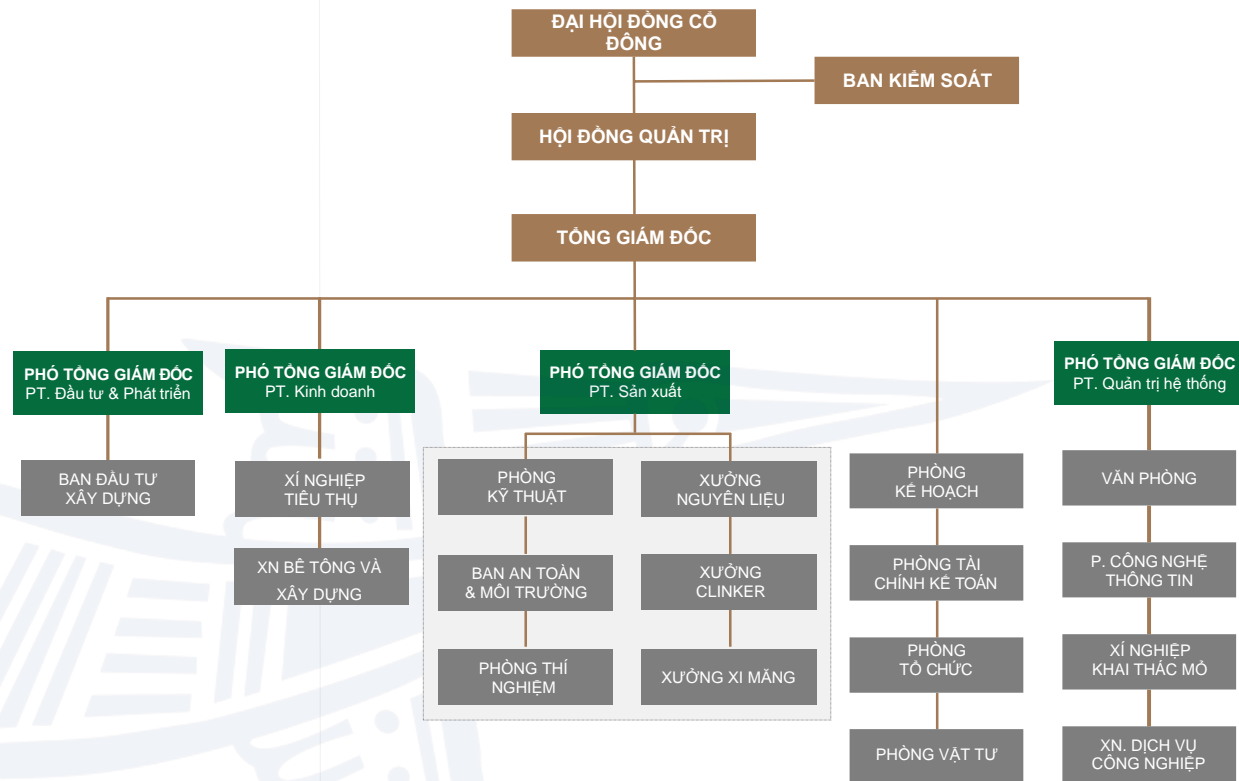
Với mong muốn mang đến sự hài lòng về mái ấm cho khách hàng. Đặc biệt với khí hậu nhiệt đới gió mùa kèm theo thời tiết khắc nghiệt tại khu vực Miền Trung, dựa trên các nghiên cứu chuyên sâu về nhu cầu thực tế và thiết thực của người tiêu dùng. Vicem Hoàng Mai đã nghiên cứu các yếu tố tác động của môi trường, khí hậu và triển khai sản xuất sản phẩm xi măng 32.5N MAXPRO với các đặc tính như: Dẻo, dễ bám dính, đặc biệt hạn chế rạn nứt bề mặt, chúng tôi tin tưởng bề tông và vữa xây, trát sử dụng xi măng Vicem Hoàng Mai 32.5N MAXPRO sẽ bảo vệ tốt hơn và tiết kiệm hơn cho ngôi nhà của bạn. Xi măng Poce-lăng hỗn hợp (Portland composite cement EN 197-1 - CEM II/B-M 32.5 N) được sản xuất và kiểm soát nghiêm ngặt theo hệ thống tiêu chuẩn Châu Âu EN 197-1:2011

ĐÓNG GIỚI

Nhằm đảm bảo xi măng được bảo quản chất lượng tốt, sạch đẹp và dễ dàng cho thi công, vận chuyển, sản phẩm xi măng Vicem Hoàng Mai 32.5N MAXPRO được đóng trong bao KPK, trọng lượng 50kg.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Vicem Hoàng Mai là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Xi măng Việt Nam - Cổ đông nhà nước nắm giữ 71,07% vốn cổ phần, phần vốn còn lại được sở hữu bởi hàng ngàn cổ đông gồm các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. Mô hình kinh doanh của Vicem Hoàng Mai tổ chức giám sát công việc theo mô hình ma trận mở, bảo đảm thực hiện tốt quy chế dân chủ, phát huy trí tuệ tập thể, đồng bộ trong chỉ đạo điều hành của công ty, trên nguyên tắc tập trung dân chủ, dưới sự lãnh đạo của Đảng, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của cá nhân Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc khi thực thi nhiệm vụ được giao. Hiện nay, để đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh theo nhu cầu của thị trường, công ty đã thành lập hệ thống các phòng, ban, xưởng, đơn vị trực thuộc, được phân chia theo chức năng riêng biệt nhưng vẫn đảm bảo có mối quan hệ hỗ trợ khăng khít trong việc thực hiện các công việc để quá trình sản xuất kinh doanh được thông suốt.



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG:

Là cơ quan quyết định cao nhất của công ty, gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, đại hội đồng cổ đông quyết định những vấn đề liên quan đến quyền hạn theo quy định của pháp luật, và Điều lệ Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị đương nhiệm của công ty có Chủ tịch và các ủy viên. Thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình, Hội đồng quản trị tổ chức họp định kỳ mỗi quý một lần, kiểm điểm phân tích đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của công ty, tình hình thực hiện các nghị quyết của Đại hội cổ đông, cụ thể hoá các kế hoạch, nhiệm vụ và giao cho Tổng Giám đốc điều hành tổ chức thực hiện.

BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát của công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

BAN ĐIỀU HÀNH

Đứng đầu bộ máy điều hành là Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc. Giúp việc cho Tổng giám đốc có các Phó Tổng giám đốc phụ trách về các lĩnh vực như quản trị hệ thống, đầu tư và phát triển, sản xuất, kinh doanh.

BAN ĐIỀU HÀNH

Công ty đã thành lập 17 phòng, ban, xưởng, đơn vị trực thuộc. Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ chuyên môn do Ban Tổng Giám đốc giao.



GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị của Vicem Hoàng Mai gồm 5 thành viên. Tất cả thành viên HĐQT đều là những người có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất xi măng và am hiểu môi trường kinh doanh tại Việt Nam.

STT	Thành viên	Chức vụ
1.	ÔNG ĐÌNH QUANG DŨNG	Chủ tịch HĐQT
2.	ÔNG NGUYỄN QUỐC VIỆT	Thành viên
3.	ÔNG TRẦN VIỆT HỒNG	Thành viên (Miễn nhiệm 17/06/2020)
4.	ÔNG LÊ TRUNG KIÊN	Thành viên
5.	ÔNG TRẦN ĐỨC DANH	Thành viên
6.	BÀ ĐẬU THỊ NGA	Thành viên(Bổ nhiệm 17/06/2020)





ÔNG ĐÌNH QUANG DŨNG

Chủ tịch HĐQT

Sinh năm: 1964

Quốc tịch: Việt Nam

Học vấn: Kỹ sư

Silicat **Quá trình**

công tác:

- 04/2013 đến nay: Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Xi măng Việt Nam
- 02/2018 đến nay: Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai

Số cổ phần HOM nắm giữ: 20.437.800 cổ phần

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
- Đại diện vốn của Vicem: 20.437.800 cổ phần



ÔNG LÊ TRUNG KIÊN

Thành viên Hội đồng quản trị

Sinh năm: 1976

Quốc tịch: Việt Nam

Học vấn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- 03/2014 - 02/2018: Quản đốc Xưởng khai thác - Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai
- 02/2018 - 07/2019: Quản đốc Xưởng khai thác, Thành viên HĐQT - Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai
- 07/2019 đến nay: Phó Tổng giám đốc, Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai

Số cổ phần HOM nắm giữ: 10.218.000 cổ phần

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
- Đại diện vốn của Vicem: 10.218.000 cổ phần



ÔNG NGUYỄN QUỐC VIỆT

Thành viên Hội đồng quản trị

Sinh năm: 1972

Quốc tịch: Việt Nam

Học vấn: Thạc sỹ kinh tế

Quá trình công tác:

- 01/2011 - 10/2017: Phó Tổng giám đốc, Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai
- 10/2017 - Nay: Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai

Số cổ phần HOM nắm giữ: 10.223.200 cổ phần

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 5.200 cổ phần
- Đại diện vốn của Vicem: 10.218.000 cổ phần



BÀ ĐẬU THỊ ANH

Thành viên Hội đồng quản trị Kế toán trưởng

Sinh năm: 1980

Quốc tịch: Việt Nam

Học vấn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- 11/2013 - 12/2014: Phó phòng kế toán, phụ trách phòng kế toán Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai.
- 01/2015 - 10/2016: Trưởng phòng Tài chính kế toán - Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai.
- 10/2016 – 06/2020: Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai
- 06/2020 đến nay: Kế toán trưởng, Thành viên Hội đồng quản trị - Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai



ÔNG TRẦN VIỆT HỒNG

Thành viên Hội đồng quản trị

Sinh năm: 1971

Quốc tịch: Việt Nam

Học vấn: Kỹ sư công nghệ chế tạo máy

Quá trình công tác:

- 02/2013 - 02/2018: Phó Tổng giám đốc - Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai.
- 02/2018 đến 12/2019: Phó Tổng giám đốc, Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai.
- 12/2019 đến nay: Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai.

Số cổ phần HOM nắm giữ: 10.218.000 cổ phần

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
- Đại diện vốn của Vicem: 10.218.000 cổ phần



ÔNG TRẦN ĐỨC DANH

Thành viên Hội đồng quản trị

Sinh năm: 1973

Quốc tịch: Việt Nam

Quá trình công tác:

- 11/2014 đến nay: Giám đốc Công ty TNHH Trường An, Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai
- Số cổ phần HOM nắm giữ:** 0 cổ phần



THÀNH VIÊN BAN LÃNH ĐẠO

STT	Thành viên	Chức vụ
1.	ÔNG NGUYỄN QUỐC VIỆT	Tổng Giám đốc
2.	ÔNG ĐẠNG NGỌC LONG	Phó Tổng giám đốc
3.	ÔNG LÊ TRUNG KIÊN	Phó Tổng giám đốc
4.	BÀ ĐẬU THỊ NGA	Kế toán trưởng

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Chức vụ
1.	ÔNG NGUYỄN VĂN TUẤN	Trưởng Ban kiểm soát
2.	ÔNG CAO TRỌNG NGHIÊN	Thành viên
3.	ÔNG THÁI HUY CHƯƠNG	Thành viên

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

BAN LÃNH ĐẠO

ÔNG NGUYỄN QUỐC VIỆT - Tổng Giám đốc (Như trên)

ÔNG LÊ TRUNG KIÊN - Phó Tổng Giám đốc (Như trên)

BÀ ĐẬU THỊ NGA – Kế toán trưởng (Như trên)



1 **ÔNG ĐẶNG NGỌC LONG** Phó Tổng Giám đốc

Sinh năm: 1965

Quốc tịch: Việt Nam

Học vấn: Thạc sỹ kinh tế

Quá trình công tác:

- 2010 - 09/2016: Giám đốc Ban Quản lý dự án Đông Hội thuộc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam.
- 09/2016 đến nay: Phó Tổng giám đốc - Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai



BAN KIỂM SOÁT



1 **ÔNG NGUYỄN VĂN TUẤN** Trưởng Ban kiểm soát

Sinh năm: 1987

Quốc tịch: Việt Nam

Học vấn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 2009 - 04/2018: Công tác tại Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai.
- 04/2018 đến nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai



2 **ÔNG CAO TRỌNG NGHIÊN** Thành viên Ban kiểm soát

Sinh năm: 1982

Quốc tịch: Việt Nam

Học vấn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 2008 - 04/2018: Công tác tại Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai.
- 04/2018 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai



3 **ÔNG THÁI HUY CHƯƠNG** Thành viên Ban kiểm soát

Sinh năm: 1971

Quốc tịch: Việt Nam

Học vấn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 04/2014 - 04/2018: Công tác tại Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai.
- 04/2018 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai



Trải qua 26 năm xây dựng và phát triển, Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai đã đạt được những thành quả nhất định trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Với quyết tâm không ngừng đổi mới, sáng tạo, trong những năm qua Ban lãnh đạo Công ty đã tập trung mọi nguồn lực đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển, đa dạng hóa sản phẩm. Công ty triển khai các định hướng và mục tiêu phát triển hướng đến đầu tư cho tương lai để mở rộng quy mô và trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu về ngành công nghiệp xi măng, cụ thể như sau:

Đầu tư Dự án hệ thống phát điện tận dụng nhiệt khí thải nhằm tiết giảm chi phí năng lượng đầu vào, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm, giảm phát thải CO2 ra môi trường.

Đồng hành cùng khách hàng, nắm bắt các mong muốn, bản khoản của khách hàng để cung cấp cho khách hàng các sản phẩm có chất lượng ổn định và dịch vụ tốt nhất, thỏa mãn các yêu cầu của người tiêu dùng.

Giảm nồng độ bụi trong sản xuất xi măng thông qua việc trang bị đồng bộ hệ thống thiết bị lọc bụi túi thể hệ mới thay thế lọc bụi tĩnh điện để đảm bảo giảm nồng độ bụi trong khí thải.

Tận dụng và tái chế chất thải: ứng dụng công nghệ tái chế chất thải công nghiệp để làm nhiên liệu, làm phụ gia cho xi măng để giảm giá thành.

Nâng cao năng lực đội ngũ chuyên gia, cán bộ kỹ thuật, công nhân kỹ thuật lành nghề, đội ngũ kỹ sư, tư vấn, thiết kế, nghiên cứu ứng dụng, hoàn thiện công tác quản trị và nhân sự nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động của Công ty để Công ty phát triển bền vững, bắt kịp trình độ khoa học, ứng dụng công nghệ tiên tiến của thế giới, đủ sức cạnh tranh với các doanh nghiệp sản xuất xi măng trong và ngoài nước thông qua việc triển khai các khóa đào tạo nâng cao về nghiệp vụ kế toán, thuế và kỹ năng bán hàng cho nhân viên thị trường của Công ty và các Nhà phân phối, bổ sung kiến thức xi măng, bê tông, kiến thức marketing cho các nhân viên thị trường. Từ đó, mở rộng độ phủ của sản phẩm xi măng Hoàng Mai trên thị trường

Đẩy mạnh áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, giảm thời gian dừng lò để sửa chữa nhằm đạt và vượt công suất thiết kế; nâng cao chất lượng và mức xi măng, tối ưu tỷ lệ pha phụ gia, tro xỉ nhiệt điện, xỉ hạt lò cao... để giảm tỷ lệ clinker, giảm lượng khí thải CO, NOx, SO2, hydrocarbon

Sản xuất các chủng loại xi măng mác cao, xi măng bền sunphat sử dụng cho những công trình chịu tác động của nước biển, vùng đất nhiễm mặn,... giúp tăng cường khả năng chống ăn mòn của các ion sunfat, clo cho bê tông... Tăng tỷ trọng các sản phẩm sau sản xuất xi măng như bê tông, gạch không nung để nâng cao được sức cạnh tranh

Tối ưu hóa năng lực sản xuất của dây chuyền công nghệ, áp dụng các công cụ tiên tiến trong quản lý sản xuất. Vận hành hiệu quả, ổn định để nâng cao sản lượng sản xuất, đảm bảo nguồn cung hàng, nhất là những tháng xây dựng cao điểm, kiểm soát sự tuân thủ quy trình công nghệ, sản xuất, để sản xuất ra sản phẩm xi măng ổn định chất lượng; duy trì màu sắc truyền thống của xi măng phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng





HOẠT ĐỘNG KINH DOANH ►

1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
2. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
3. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2021

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

I. NỀN KINH TẾ

Thuận lợi

Năm 2020, tăng trưởng GDP của Việt Nam đạt mức 2,91%, trong đó khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,98%; thị trường tiền tệ, ngoại hối ổn định, thanh khoản tốt, mặt bằng lãi suất huy động và cho vay cơ bản ổn định (chỉ số đô la Mỹ bình quân giảm 0,02% so với năm 2019); chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân tăng 3,23% so với năm 2019

Công ty luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời của Tổng Công ty Xi măng Việt Nam trong công tác sản xuất, kinh doanh và sự quan tâm, ủng hộ của các cấp chính quyền.

Khó khăn

Năm 2020, tình hình kinh tế - xã hội nước ta diễn ra trong bối cảnh chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, cạnh tranh kinh tế giữa các nước, dịch bệnh Covid-19 bùng phát mạnh ngay từ những ngày đầu năm, trên phạm vi toàn cầu và khó kiểm soát, làm đứt gãy chuỗi cung ứng, đứt gãy chuỗi thương mại; thiên tai, bão lũ xảy ra trong thời gian dài tại các tỉnh miền Trung,... đã ảnh hưởng tiêu cực đến mọi lĩnh vực đời sống kinh tế - xã hội nước ta.

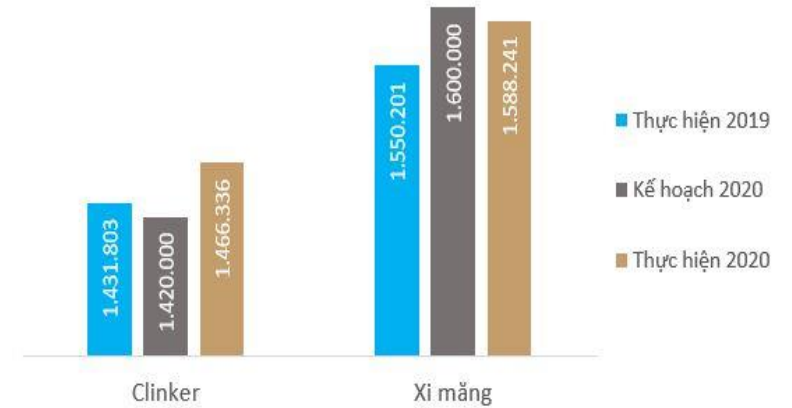
Thị trường xi măng trong nước tiếp tục cạnh tranh quyết liệt do cung vượt cao so với cầu; sản lượng và giá bán (xi măng, clinker) đều giảm so với năm 2019.

Đại dịch Covid làm cho nguồn kiều hối giảm làm giảm nhu cầu tiêu thụ xi măng, đặc biệt tại thị trường Miền Trung vốn đã khó khăn trong công tác vận tải. Nhu cầu thị trường xuất khẩu giảm sâu do ảnh hưởng của dịch Covid dẫn đến các thương hiệu xi măng ngoài Vicem liên tục gia tăng các chính sách để giành lại thị trường nội địa gây áp lực lên thị trường xi măng trong nước.

Tại Nghệ An, nguồn cung tại chỗ tiếp tục gia tăng khi một số thương hiệu mới ra đời (như xi măng Tân Thắng, xi măng Hoàng Long, Rồng Vàng, Nam Sơn, Việt Úc, Alpha...)



II. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT



Sản lượng clinker sản xuất năm 2020 đạt 1.466.336 tấn, là mức sản lượng cao nhất từ trước đến nay, bằng 103,26% kế hoạch và tăng 2,41% so với cùng kỳ năm 2019; sản lượng xi măng sản xuất đạt 1.588.241 tấn bằng 99,27% kế hoạch và tăng 2,45% so với cùng kỳ.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Những mặt đã làm được

Từ đầu năm 2020, đối với công tác sản xuất, Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai đã nỗ lực phấn đấu, tìm các giải pháp nâng cao năng suất thiết bị và chất lượng sản phẩm, giảm giá thành sản xuất, bám sát theo định hướng chỉ đạo của Tổng công ty xi măng Việt Nam và mục tiêu kế hoạch được giao. Trong năm, Công ty đã thực hiện tốt những nội dung chính, cơ bản như sau:

- ✓ Duy trì lò nung hoạt động ổn định với năng suất 179 tấn/giờ tương đương 4.297 tấn CLK/ngày, vượt 7% so với năng suất thiết kế 167 tấn/giờ. Sản lượng clinker sản xuất năm là 1.466.336 tấn, đạt 103,26% kế hoạch năm 2020, tăng 2,41% so với cùng kỳ. Đây cũng là sản lượng Clinker cao nhất từ trước tới nay.
- ✓ Công ty đã tận dụng tối đa các nguồn nguyên liệu tự khai thác như đá vôi, đá sét. Cụ thể: đã tận dụng các nguồn đá có hàm lượng MgO cao (trung bình MgO trong đá vôi năm là 1,93%), tận dụng các nguồn đá vôi có hàm lượng lẫn sét... Ngoài ra Công ty đã đưa 60% sét cứng thay thế sét mềm (hàm lượng sét mềm có SiO₂ cao ngày càng fit đi) để chủ động nguồn sét cho các năm tiếp theo.
- ✓ Tiêu hao điện nghiền liệu đạt 16,90 Kwh/tấn so với cùng kỳ là 17,39 Kwh/tấn, tiêu hao điện hoàn nguyên sản xuất clinker là 58,92 Kwh/tấn clinker, thấp hơn so với năm 2019 là 60,66 kWh/tấn clinker, tuy nhiên vẫn còn cao hơn kế hoạch năm 2020 (58 Kwh/tấn clinker).

- ✓ Công ty đã hoàn thiện báo cáo phương án sửa chữa, xử lý một số nút thắt công nghệ (cải tạo cyclone C1, cải tạo sửa đổi hệ thống ghi làm nguội clinker) chuẩn bị triển khai thực hiện trong tháng 02 năm 2021 nhằm nâng cao hiệu suất lắng của các cyclone, tăng hiệu suất thu hồi nhiệt tại ghi làm nguội, giảm tiêu hao than.
- ✓ Về công tác sửa chữa lớn, Công ty thực hiện sửa chữa công đoạn nghiền xi măng và đóng bao vào tháng 02/2020, công đoạn nghiền liệu và clinker vào tháng 04/2020, các thiết bị chính đều được kiểm soát và thực hiện sửa chữa theo kế hoạch. Việc sửa chữa diễn ra trong giai đoạn dịch Covid 19 có nguy cơ lan rộng, cả nước thực hiện giãn cách xã hội là thành công kép của Công ty, vừa đảm bảo an toàn phòng chống dịch, vừa đảm bảo hiệu quả cho Công ty.
- ✓ Năm 2020, Công ty tiếp tục thực hiện chủ trương sử dụng tro, xỉ và các sản phẩm phế thải công nghiệp khác của các nhà máy nhiệt điện, gang thép... với mục tiêu bảo vệ môi trường, giảm sử dụng tài nguyên khoáng sản, Công ty đã triển khai thử nghiệm và sử dụng xỉ hoạt tính để thay thế xỉ nhiệt điện đạm làm phụ gia trong sản xuất xi măng và gia công, vừa đem lại lợi ích kinh tế, vừa xử lý chất thải công nghiệp góp phần bảo vệ môi trường.
- ✓ Chủ động tìm các nguồn than trong và ngoài nước có tính chất phù hợp với lò nung để cải thiện tiêu hao và năng suất như than 3c, 3a có nguồn gốc từ Nga với giá cả cạnh tranh.

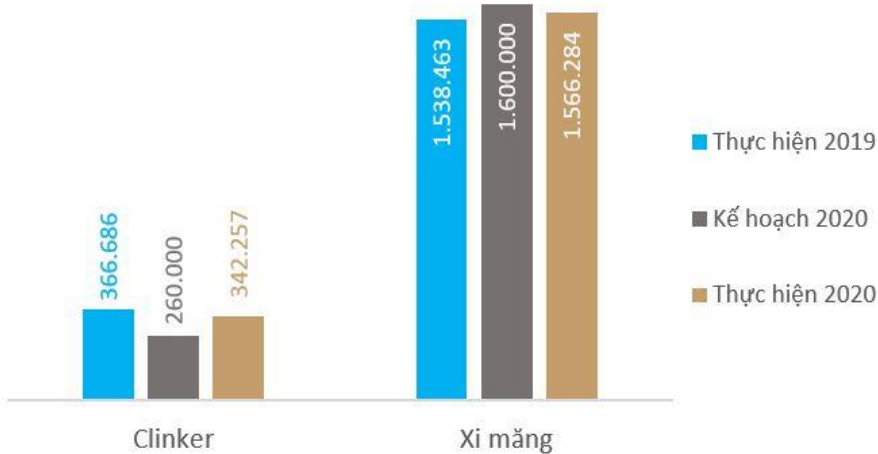


Những khó khăn, tồn tại

Bên cạnh những nội dung Công ty đã thực hiện tốt trong lĩnh vực sản xuất, năm 2020 vẫn còn những khó khăn, tồn tại cần sự hỗ trợ, giúp đỡ của Tổng công ty Xi măng Việt Nam và sự nỗ lực phấn đấu của Công ty để thực hiện tốt trong năm 2021 cụ thể như sau:

- Chưa đưa được nguyên liệu bùn bảnh Formosa vào sản xuất (theo kế hoạch là tháng 4/2020). Nguyên nhân do chưa hoàn thiện hồ sơ pháp lý.
- Thực hiện các chương trình đổi mới sáng tạo, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, Công ty đã tiến hành lắp đặt thiết bị và tiến hành đốt thử nghiệm rác thải tại calciner. Tuy nhiên, do khó khăn trong việc tìm kiếm nguồn cung rác thải cũng như chưa đầu tư động bộ các thiết bị xử lý rác (cắt xé, phân loại...), thiết bị vận chuyển nên hiệu quả đạt được chưa cao.
- Công ty đã tiếp cận và bước đầu thử nghiệm sản xuất clinker low - carbon (đã đưa LSF trong clinker xuống 92 – 93). Tuy nhiên, bước đầu thử nghiệm chưa đưa ra được thông số vận hành phù hợp nên chưa giảm được tiêu hao nhiệt và chất lượng clinker bị giảm nhẹ (cường độ sớm).

III. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TIÊU THỤ



Năm 2020, đối phó với hàng loạt khó khăn như dịch bệnh, thiên tai, tình hình thị trường xi măng vẫn trong tình trạng cung vượt cầu - cạnh tranh khốc liệt. Mặc dầu vậy, Công ty đã nỗ lực để thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm, gia tăng sản lượng, kết quả tổng sản lượng tiêu thụ đạt 1.908.541 tấn, bằng 102,6% kế hoạch và tương đương so với năm 2019.

- Sản lượng tiêu thụ xi măng trong nước đạt 1.176.567 tấn, bằng 91,1% so với năm 2019.
- Sản lượng xi măng xuất khẩu đạt 389.717 tấn tăng 58% so với sản lượng xuất khẩu năm 2019.
- Sản lượng tiêu thụ clinker của Công ty đạt 342.257 tấn, tăng 3% so với kế hoạch và bằng 93,34% so với năm 2019.

NHỮNG NGUYÊN NHÂN TÁC ĐỘNG ĐẾN TÌNH HÌNH TIÊU THỤ NĂM 2020

Ảnh hưởng kép từ diễn biến đại dịch Covid - 19 diễn ra từ cuối năm 2019 và tình hình thời tiết bất lợi, mưa bão liên tục từ tháng 9 đến tháng 11 từ Nghệ An đến Miền Trung là những nguyên nhân chính tác động đến tình hình tiêu thụ của công ty trong năm 2020:

- Đối với thị trường xuất khẩu: Thị trường chính của Vicem Hoàng Mai là Philippines cũng chịu ảnh hưởng lớn từ đại dịch Covid và chịu tác động lớn từ thời tiết với số lượng cơn bão dày đặc trong những tháng cuối năm khiến nhu cầu tiêu thụ giảm mạnh. Thêm vào đó, từ tháng 9-2019 Bộ Công nghiệp và Thương mại Philippines chính thức áp thuế phòng vệ cho Vicem Hoàng Mai

năm đầu tiên với mức 250 peso/tấn (112.500 đồng/tấn) và áp dụng cho cả năm 2020 làm giá bán năm 2020 giảm so với năm 2019.

Đồng thời, các thị trường nhập khẩu xi măng như Trung Quốc, Ấn Độ, Philippine dừng nhập khẩu do việc giãn cách xã hội làm giảm lượng lớn sản lượng xi măng xuất khẩu, dẫn đến các thương hiệu xi măng ngoài Vicem liên tục gia tăng các chính sách để giành lại thị trường nội địa gây áp lực lên thị trường xi măng trong nước.

- Đối với thị trường tiêu thụ nội địa: Tại thị trường Miền Trung - Tây nguyên, do ảnh hưởng của dịch covid làm nhu cầu tiêu thụ xi măng sụt giảm so với cùng kỳ, một số địa bàn chịu sự ảnh hưởng lớn từ vốn đầu tư từ nước ngoài, có doanh thu lớn về du lịch như Đà Nẵng, Quảng Nam, Ninh Thuận, Đắk Lắk gặp rất nhiều khó khăn, nhu cầu giảm mạnh.

- Bên cạnh đó, tình hình thời tiết bất lợi, mưa bão liên tục từ tháng 9/2020 đến tháng 11/2020 từ Nghệ An đến Miền Trung, làm vận tải đường thủy bị đình trệ, sản lượng tiêu thụ sụt giảm. Mặt khác, nguồn vận tải đường bộ, đường sắt hạn chế do không kết hợp được hàng hai chiều vận chuyển nông sản xuất khẩu sang Trung Quốc.



NHỮNG VIỆC ĐÃ LÀM ĐƯỢC

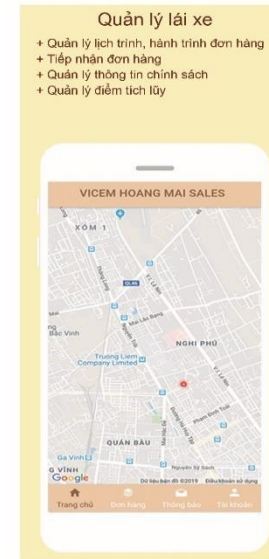
- Mặc dù phải đối phó với hàng loạt những khó khăn, tuy nhiên với sự hỗ trợ của Tổng công ty xi măng Việt Nam, Vicem Hoàng Mai vẫn nỗ lực ứng phó vượt lên chính mình để đem lại những thành tựu nhất định:
- Sản lượng tiêu thụ trong năm 2020 tăng chủ yếu là xi măng bao tại các địa bàn chính từ Thanh Hóa đến Bình Trị Thiên do việc quy hoạch lại hệ thống phân phối, xây dựng hệ thống cửa hàng gắn bó đi kèm với chính sách gia tăng thu nhập cho hệ thống. Công ty đã cơ bản hoàn thiện chương trình sàng lọc, lựa chọn lại hệ thống cửa hàng gắn bó tại Nghệ An, xây dựng hệ thống cửa hàng

chuẩn theo mô hình Nhà sản xuất => Nhà phân phối => Cửa hàng bán trực tiếp; phân chia lại địa bàn cho hệ thống cửa hàng đã được lựa chọn để tăng cường kiểm soát tiêu thụ, chính sách bán hàng, từng bước tăng hiệu quả cho hệ thống.

- Nhờ sự chỉ đạo, hỗ trợ của Tổng Công ty, VICEM Hoàng Mai đã chủ động thực hiện phương án gia công xi măng và cung cấp clinker cho các đơn vị trong Vicem, đồng thời, linh hoạt trong việc điều phối nguồn clinker bên ngoài để vừa đảm bảo tăng sản lượng tiêu thụ, vừa tăng hiệu quả kinh doanh.
- Chủ động thực hiện thuê kho trung chuyển nhằm duy trì nguồn cung ổn định tại địa bàn các tỉnh Nam Trung Bộ.

- Vicem Hoàng Mai đang xây dựng, hoàn thiện hệ thống quản lý bán hàng thông minh theo định hướng của Tổng công ty xi măng Việt Nam đề ra: đã triển khai App mobile cho 100% các nhà phân phối và cửa hàng ở các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Thanh Hóa và đang triển khai, hoàn thiện cài App cho các nhà phân phối tại Miền Trung. Với mục tiêu giữ ổn định lâu dài, Vicem Hoàng Mai chỉ thực hiện cài App cho hệ thống cửa hàng gắn bó, đồng thời, thực hiện quản lý chính sách bán hàng trên App Mobile cho hệ thống một cách hiệu quả, rõ ràng và minh bạch.
- Đã thực hiện triển khai phương án xuất hàng tự động, mã hóa các hoạt động nhận hàng tại khu vực xuất hàng, phối

- hợp các phòng ban Công ty thực hiện các thủ tục triển khai phương án số hóa khu vực xuất hàng, lắp đặt hạ tầng phục vụ cho việc xuất hàng tự động, dán thẻ RFID cho phương tiện và nhận xi măng.
- Phối hợp cùng Công đoàn Công ty triển khai chương trình hỗ trợ giá bán xi măng Vicem Hoàng Mai cho cán bộ công nhân viên sử dụng để xây dựng nhà ở của bản thân, khuyến khích cán bộ công nhân viên giới thiệu, vận động người tiêu dùng sử dụng xi măng Vicem Hoàng Mai để thi công các công trình dân dụng.



VICEM
THÁCH THỨC THỜI GIẠN

Phần mềm quản lý kênh phân phối VICEM

- + Đặt hàng trực tuyến
- + Quản lý đơn hàng theo thời gian thực
- + Quản lý bán lẻ hàng hóa
- + Quản lý nhập xuất tồn
- + Quản lý điểm thưởng tích lũy
- + Quản lý danh sách xe, lái xe
- + Cập nhật thông tin, chính sách

IV. KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2020

Kết quả kinh doanh thực hiện năm 2020 so với Kế hoạch

DOANH THU



LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ



LỢI NHUẬN SAU THUẾ



Đại dịch Covid từ tháng 12/2019 đến nay không chỉ làm ảnh hưởng đến sản lượng xuất khẩu xi măng, tiêu thụ clinker mà còn ảnh hưởng nghiêm trọng đến hiệu quả của sản lượng tiêu thụ. Giá bán xi măng xuất khẩu, clinker giảm mạnh so với kế hoạch năm 2020. Theo kế hoạch 2020 dự kiến giá xi măng xuất khẩu tăng khoảng 2USD/tấn, tuy nhiên trên thực tế giá xi măng xuất khẩu không tăng, thấp hơn từ 40.000 – 54.000 đồng/tấn và giá bán clinker giảm 16.000 đồng/tấn so với kế hoạch, làm giảm lợi nhuận hơn 19 tỷ đồng. Ngoài ra, diễn biến thời tiết bất thường, mưa lũ thường xuyên tại Miền Trung (địa bàn tiêu thụ chính của Công ty) từ tháng 9 đến tháng 11/2020 đã làm sụt giảm sản lượng tiêu thụ xi măng, chỉ tính riêng tháng 10/2020 tình hình mưa lũ đã làm giảm 67.700 tấn so với kế hoạch làm lợi nhuận giảm hơn 10 tỷ đồng.

Các yếu tố trên đã ảnh hưởng mạnh tới tình hình thực hiện kết quả kinh doanh năm 2020 của Vicem Hoàng Mai so với kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Cụ thể Doanh thu đạt 1.688,97 tỷ đồng bằng 103% so với kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế năm 2020 của Công ty đạt lần lượt 1,48 tỷ đồng và 1,12 tỷ đồng, tương ứng với đạt 5,69% và 5,36% so với kế hoạch đề ra.

Kết quả thực hiện năm 2020 so với năm 2019

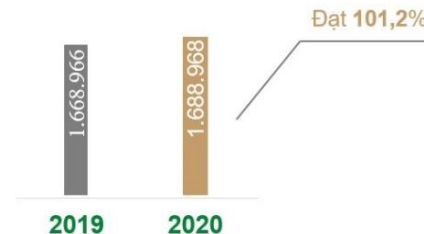
Qua biểu đồ phân tích, có thể nhận thấy chỉ tiêu về doanh thu của Vicem Hoàng Mai trong năm 2020 có sự tăng nhẹ so với năm 2019. Tuy nhiên các chỉ tiêu Lợi nhuận trước thuế và Lợi nhuận sau thuế đều giảm mạnh, Cụ thể:

- Doanh thu thuần của công ty đạt 1.688,97 tỷ đồng, tăng 1,2% so với doanh thu năm 2019;
- Lợi nhuận trước thuế đạt 1,48 tỷ đồng bằng 6,02% so với lợi nhuận trước thuế năm 2019;
- Lợi nhuận sau thuế đạt 1,12 tỷ đồng bằng 5,44% so với chỉ tiêu tương ứng của năm 2019.

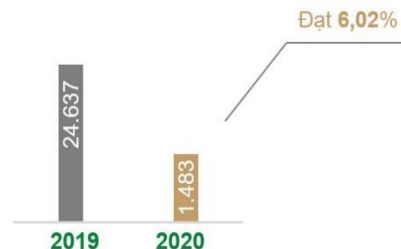
Lý giải nguyên nhân của sự sụt giảm:

- Đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng tiêu cực đến mọi lĩnh vực đời sống kinh tế xã hội trong nước và thế giới. Việc thực hiện giãn cách xã hội kéo theo nhu cầu thị trường xi măng xuất khẩu giảm sâu, áp lực cạnh tranh trên thị trường nội địa ngày càng lớn. Theo đó đã ảnh hưởng đến sản lượng và giá bán Clinker, xi măng. Trong năm 2020, giá bán bình quân xi măng xuất khẩu giảm 28.000 đồng/tấn so với năm 2019, giá bán bình quân Clinker là 633.503 đồng/tấn, thấp hơn 33.000 đồng/tấn so với năm 2019, làm lợi nhuận giảm 22 tỷ đồng;
- Diễn biến thời tiết bất thường, mưa lũ thường xuyên tại Miền Trung (địa bàn tiêu thụ chính của Công ty) từ tháng 9 đến tháng 11/2020 đã làm sụt giảm sản lượng tiêu thụ xi măng, chỉ tính riêng tháng 10/2020 mưa lũ đã làm giảm 80.000 tấn so với mức trung bình tiêu thụ thực tế/ngày năm 2020 (bình quân 4.500 tấn/ngày), làm lợi nhuận giảm gần 12 tỷ đồng;

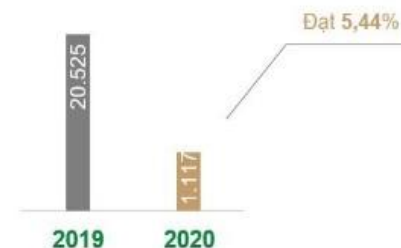
DOANH THU
ĐVT: triệu đồng



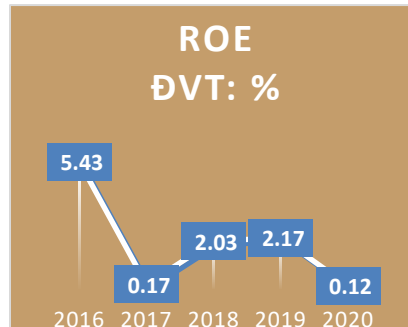
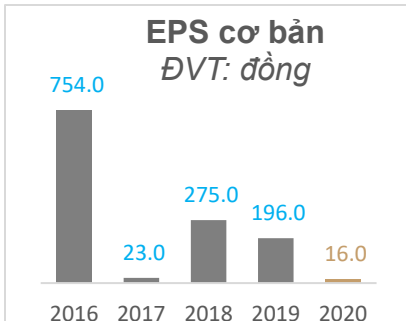
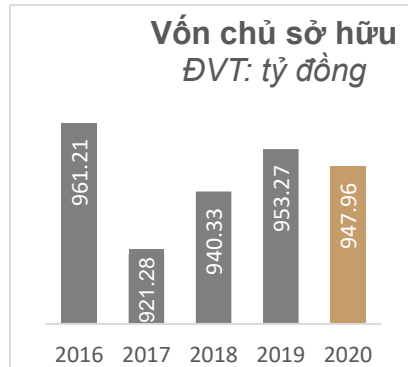
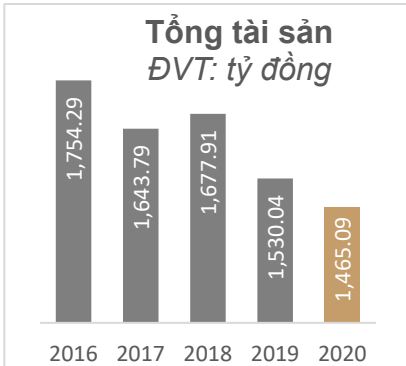
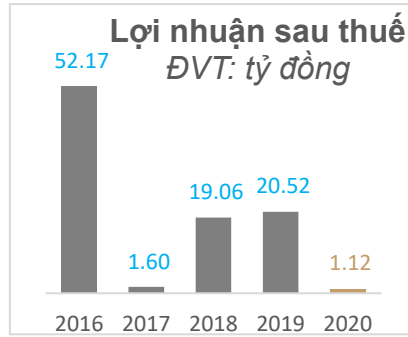
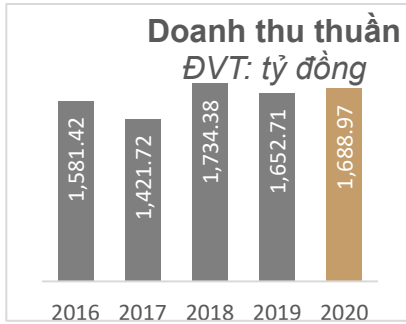
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
ĐVT: triệu đồng



LỢI NHUẬN SAU THUẾ
ĐVT: triệu đồng



V. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020	Biến động
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,01	1,21	120%
- Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,45	0,60	133%
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
- Hệ số nợ/Tổng tài sản	lần	0,38	0,35	92%
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	0,61	0,55	90%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
- Vòng quay hàng tồn kho	lần	5,54	5,16	93%
- Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản)	lần	1,03	1,13	110%
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	1,23	0,07	6%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	2,17	0,12	6%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	1,28	0,07	5%





VI. ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Về tình hình huy động và sử dụng vốn đầu tư

Về tình hình huy động vốn, nhằm mục đích tìm kiếm nguồn tài trợ cho phương án sản xuất kinh doanh, công ty đã tiến hành ký kết các hợp đồng tín dụng ngắn hạn với các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng; Ngân hàng Công thương Bắc Nghệ An hạn mức 150 tỷ đồng, Ngân hàng BIDV chi nhánh Phủ Diễn hạn mức 250 tỷ đồng, Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Thành Công - Hà Nội hạn mức 150 tỷ đồng. Ngân hàng Quốc tế VIB chi nhánh Vinh hạn mức 150 tỷ. Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2020 là

200,8 tỷ đồng. Toàn bộ là dư nợ vay ngắn hạn được sử dụng để phục vụ sản xuất kinh doanh.

Về tình hình thực hiện các dự án lớn

Lũy kế thực hiện đầu tư xây dựng năm 2020 là 16.294 triệu đồng, đạt 17,55% kế hoạch. Công tác đầu tư xây dựng trong năm 2020 triển khai chậm so với tiến độ đặt ra, một trong những nguyên nhân chính là dự án đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, chủ yếu là làm việc với các cơ quan quản lý Nhà nước, liên quan đến thủ tục cấp phép do đó phụ thuộc nhiều đến quyết định của các cơ

quan quản lý nhà nước:

- Đối với Dự án xi măng Hoàng Mai 2: Công ty đang hoàn thiện các thủ tục để xin giấy phép đầu tư.

- Đối với dự án Tận dụng nhiệt thừa phát điện: Do đặc thù dự án có công nghệ phức tạp, phải làm việc với chuyên gia nước ngoài và các phòng ban VICEM nên dự án bị chậm tiến độ.

- Đối với Dự án đầu tư xây dựng Cảng Vicem Hoàng Mai tại Đông Hồi: Vicem Hoàng Mai đã phối hợp với TEDIPORT chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đối với Dự án Thăm dò nâng cấp trữ lượng và xin cấp lại Giấy phép khai thác mỏ sét Quỳnh Vinh: do vướng mắc ở công tác đền bù giải phóng mặt bằng và ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 cho nên làm chậm tiến độ thi công gói thầu nêu trên.

- Đối với Dự án xin cấp lại Giấy phép khai thác mỏ đá với Hoàng Mai B: hiện tại Vụ Vật liệu – Bộ Xây dựng đang xử lý hồ sơ.

VII. NHÂN SỰ ĐÀO TẠO

Kể từ ngày đầu thành lập tới nay, Vicem Hoàng Mai luôn luôn xác định Con người là Tài sản quý báu nhất của Công ty, là yếu tố then chốt cho thành công và sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Do đó, Vicem Hoàng Mai rất chú trọng và quan tâm đến chính sách đãi ngộ, đào tạo, phát triển cũng như đời sống cho toàn bộ cán bộ công nhân viên.

Công tác tổ chức lao động

Trong năm 2020, Công ty đã hoàn thiện Đề án tái cơ cấu công ty giai đoạn 2019- 2025 trình Tổng công ty thỏa thuận; bước đầu Công ty đã triển khai hiệu quả các nội dung của Đề án như Xây dựng định mức lao động, giao khoán quỹ tiền lương... Tổng số lao động của Công ty đến thời điểm 31/12/2020 là 846 người, giảm 12 người so với thời điểm 01/01/2020.

Trên cơ sở tổ chức lại bộ máy, sắp xếp lại lao động, công ty đang tiến hành rà soát lại để sửa đổi, ban hành mới quy chế tiền lương, quy chế đào tạo cho phù hợp với điều kiện, tình hình sản xuất kinh doanh của công ty, đồng thời đảm bảo tính công bằng cho cán bộ, người lao động.

Công tác tiền lương, thu nhập

Năm 2020, Công ty thực hiện đúng, đầy đủ các chế độ, chính sách về tiền lương, tiền thưởng, ăn ca, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, trợ cấp ốm đau, thai sản, khám sức khỏe định kỳ đầy đủ cho người lao động; 100% được huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động, được ký kết hợp đồng lao động đúng quy định, được tham gia các tổ chức chính trị, xã hội, giao lưu văn hóa



văn nghệ, thể dục thể thao;

Tổng quỹ lương năm 2020 là 105,44 tỷ đồng. Trong đó, quỹ tiền lương của người quản lý là 1,944 tỷ đồng, theo đó tiền lương bình quân của người quản lý là 32,4 triệu đồng/người/tháng; quỹ tiền lương của người lao động là 103,5 tỷ đồng, theo đó, tiền lương bình quân của người lao động là hơn 10,19 triệu đồng/người/tháng. Ngoài ra, Công ty nhận được sự hỗ trợ về thu nhập cho người lao động từ VICEM, do đó tổng thu nhập của người lao động không giảm so với năm 2019. Điều này thể hiện sự cố gắng của Ban lãnh đạo Công ty để đảm bảo thu nhập cho người lao động trong bối cảnh hết sức khó khăn của nền kinh tế và của Công ty.

Công tác đào tạo

Tổ chức gần 40 khóa đào tạo các lĩnh vực quản lý, tài chính, kinh tế, kỹ thuật, cụ thể như: khóa đào tạo trung cấp lý luận chính trị; tập huấn kiến thức pháp luật về lao động, tiền lương; bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra nội bộ; đào tạo xây dựng kênh phân phối 4.0; đào tạo kỹ năng nghiệp vụ dành cho cán bộ tham mưu tổng hợp; huấn luyện nghiệp vụ, tổ chức diễn tập phòng cháy chữa cháy; diễn tập ứng phó sự cố an toàn bức xạ... Tổng số người được đào tạo năm 2020 là trên 1.200 lượt người với tổng giá trị đào tạo đạt 1,6 tỷ đồng.





BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2020

STT	CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	TH.2020/ KH.2020 (%)	TH.2020/ TH.2019 (%)
I.	Sản lượng sản xuất						
1.	Clinker	Tấn	1,431,803	1,420,000	1,466,336	103,26	102,41
2.	Xi măng	Tấn	1,550,201	1,600,000	1,588,241	99,27	102,45
II.	Sản lượng tiêu thụ						
1	Clinker	Tấn	366,686	260,000	342,257	131,64	93,34
2	Xi măng	Tấn	1,538,463	1,600,000	1,566,284	97,89	101,81
III.	Kết quả sản xuất kinh doanh						
1	Doanh thu	Triệu đồng	1,668,966	1,646,759	1,688,968	102,56	101,20
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	24,637	26,040	1,483	5,70	6,02
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	20,525	20,832	1,117	5,36	5,44

II. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC.

Cơ cấu Ban Giám đốc phù hợp với nhiệm vụ, đặc điểm của Công ty. Các thành viên trong Ban Giám đốc đều có trình độ, năng lực và phẩm chất, được đào tạo đầy đủ về chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành các dự án của các doanh nghiệp lớn.

Tổng Giám đốc có phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các Phó Tổng Giám đốc và định kỳ hàng tháng tổ chức họp giao ban để đánh giá kết quả thực hiện công việc tháng và giao kế hoạch công việc cho kỳ tiếp theo.



Trong năm 2020, Ban Giám đốc đã:

- Triển khai thực hiện tốt các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của HĐQT. Ban quản lý điều hành đã luôn bám sát Nghị quyết của HĐQT đề ra, định kỳ mỗi quý báo cáo đánh giá sát thực tình hình sản xuất kinh doanh của quý trước và xây dựng kế hoạch, giải pháp cho quý tiếp theo để báo cáo HĐQT; tuân thủ đúng Điều lệ Công ty, quy định của pháp luật.
- Tuân thủ theo đúng trình tự biểu quyết và khi quyết định những vấn đề quan trọng đều đạt được sự nhất trí tối đa.
- Nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn của Công ty nên Ban Giám đốc đã linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đã ban hành các văn bản tài liệu nội bộ theo thẩm quyền nhằm kiểm soát có hiệu quả mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, ban hành các chính sách thu hút khách hàng; các giải pháp cải cách tiền lương nhằm khuyến khích người lao động nâng cao năng suất; các giải pháp nhằm quản trị chặt chẽ chi phí sản xuất... Công tác đầu tư mua sắm cũng được quản trị chặt chẽ và thực hiện đúng quy định của pháp luật.
- Ban Giám đốc đã chủ động trong việc xây dựng và phát triển hệ thống kênh phân phối; chủ động trong việc sản xuất kinh doanh các sản phẩm mới phù hợp với nhu cầu thị trường và bước đầu cho thấy đã có chuyển biến tốt.
- Ban Giám đốc cũng đã phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn chăm lo tốt đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.



KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

Bước sang năm 2021, bên cạnh những thuận lợi như việc kiểm soát tốt đại dịch Covid-19 và Chính phủ có nhiều giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn như: giãn thuế, hoãn nộp thuế, đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công và vốn ODA sẽ cho phép Việt Nam nhanh chóng khôi phục hoạt động kinh tế. Tuy nhiên, đại dịch Covid-19 trên thế giới còn diễn biến phức tạp, để lại hậu quả khó lường và khả năng cao sẽ kéo dài cả năm 2021 tại nhiều quốc gia. Chính sách bảo hộ sản xuất xi măng trong nước từ nguồn nhập khẩu chính là Philippines vẫn chưa có dấu hiệu thay đổi. Thu nhập của người dân năm 2020 giảm, xây dựng dân dụng khó có khả năng phục hồi và bùng nổ năm 2021.

Xu hướng chuyển dịch từ xi măng bao sang xi măng rời ngày càng rõ nét làm giảm lợi thế về giá trị thương hiệu VICEM, dẫn đến giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Nguồn cung xi măng tại chỗ tiếp tục duy trì ở mức rất cao (dự kiến nguồn cung xi măng năm 2021 vẫn ở mức 106 triệu tấn, trong khi đó, dự kiến nhu cầu tiêu thụ xi măng toàn xã hội năm 2021 khoảng 66 triệu tấn, tăng khoảng 6% so với năm 2020) dẫn tới cạnh tranh tại thị trường xi măng trong nước ngày càng khốc liệt, hơn nữa do các doanh nghiệp sản xuất xi măng sẽ tiếp tục đua nhau giảm giá bán, tăng chiết khấu, khuyến mại để tiêu thụ được xi măng sản xuất ra. Vì vậy các doanh nghiệp sản xuất xi măng vẫn phải tập trung tìm giải pháp xuất khẩu xi măng, clinker để tháo gỡ khó khăn và giảm bớt áp lực cạnh tranh cho thị trường trong nước.

Vicem Hoàng Mai cũng đang đứng trước thách thức về hạn chế năng lực sản xuất để tăng trưởng; áp lực của việc bảo vệ môi trường, sử dụng có hiệu quả các tài nguyên để phát triển xanh, bền vững theo yêu cầu của VICEM và của cơ quan quản lý Nhà nước.

Vì vậy năm 2021 đòi hỏi tập thể cán bộ công nhân viên của toàn Công ty phải hết sức năng động, sáng tạo và phấn đấu để hoàn thành mục tiêu năm 2021.

Với những kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2020, căn cứ vào khả năng huy động thiết bị cho sản xuất và dự báo nhu cầu tiêu thụ xi măng, Hội đồng quản trị thống nhất kế hoạch sản xuất kinh doanh 2021 như sau:

STT	CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	ĐVT	Năm 2021
I.	Sản lượng sản xuất		
1.	Clinker	Tấn	1.442.070
2.	Xi măng (tự sản xuất)	Tấn	1.640.000
II.	Sản lượng tiêu thụ		
1	Clinker	Tấn	340.000
2	Xi măng	Tấn	1.700.000
III.	Kết quả sản xuất kinh doanh		
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	1.778.563
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	2.200
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	1.760
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	0,18
5	Nộp ngân sách Nhà nước	Triệu đồng	48.399
6	Tổng quỹ tiền lương	Triệu đồng	



KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

Bên cạnh việc tiếp tục tập trung mọi nguồn lực để hoàn thành kế hoạch đề ra, năm 2021, Vicem Hoàng Mai cũng sẽ triển khai thực hiện đề án tái cơ cấu công ty nhằm nâng cao năng suất lao động, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh. Vì vậy, ngay từ ngày đầu, tháng đầu của năm 2021, Công ty cần thực hiện ngay các giải pháp chính sau:

ĐỐI VỚI SẢN XUẤT

Lập và triển khai thực hiện công tác sửa chữa thiết bị đảm bảo chất lượng, tiến độ, đảm bảo thời gian huy động thiết bị cao nhất.

Thực hiện nghiêm chỉnh quy trình, quy phạm trong vận hành và sửa chữa thiết bị, không để xảy ra mất an toàn cho người và thiết bị.

Lên phương án khai thác, phối trộn đảm bảo sét cứng trên 70% trong tổng lượng sét để đảm bảo chất lượng sét cho những năm tiếp theo.

Theo dõi, giám sát hộp giảm tốc máy nghiền liệu, lên phương án thay thế cặp bánh răng đầu vào trong đợt sửa chữa máy nghiền năm 2021, đảm bảo máy nghiền hoạt động ổn định.

Cùng với sự giúp đỡ hỗ trợ từ các chuyên gia của Tổng công ty xi măng Việt Nam để đưa ra thông số vận hành cho lò nung và triển khai thực hiện trong tháng 02/2021 việc cải tạo các cyclone C1, tăng hiệu suất lắng; cải tạo và thay thế các ghi làm nguội clinker nhằm tăng hiệu năng thu hồi nhiệt với mục tiêu giảm tiêu hao và duy trì chất lượng CLK trên 55N/mm².

Triển khai thực hiện dự án nâng cấp, lắp đặt hệ thống điều khiển DCS, đào tạo, chuyển giao đưa vào hoạt động trong tháng 8 năm 2021.

Xây dựng phương án và đưa vào thực hiện sử dụng các phế thải công nghiệp từ các nhà máy gang thép, nhiệt điện như tro bay, xỉ lò cao, xỉ khử lưu huỳnh, bùn thải làm nguyên, nhiên liệu thay thế trong sản xuất xi măng, clinker nhằm giảm chi phí và góp phần bảo vệ môi trường.

Thử nghiệm và đánh giá việc sử dụng xỉ sắt có nguồn gốc từ Formosa, lên phương án thay thế 50% lượng đất giàu sắt.

Làm việc với Formosa Hà Tĩnh, triển khai thủ tục xin giấy phép xử lý chất thải nguy hại để sớm có thể sử dụng

bùn bánh Fomosa, đưa bùn bánh vào thay thế nguồn sét hiện tại.

Phấn đấu thực hiện tốt các định mức tiêu hao trong sản xuất; tăng cường kiểm soát vật tư, phụ tùng, nguyên, nhiên vật liệu đầu vào để giảm tồn kho hàng hóa đến mức hợp lý nhất nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Đào tạo và nâng cao trình độ cho kỹ sư vận hành các công đoạn trong nhà máy, đồng thời tăng cường công tác thăm quan học hỏi kinh nghiệm tại các đơn vị trong và ngoài VICEM.

Triển khai nghiên cứu phương án đầu tư, lắp đặt hệ thống đốt rác thải với năng lực đốt từ 10 đến 15 tấn/giờ, thay thế một phần nhiệt từ than, dầu, giảm giá thành sản phẩm.



ĐỐI VỚI TIÊU THỤ SẢN PHẨM

Tiếp tục điều hành và kiểm soát chính sách bán hàng một cách chuyên nghiệp trên nguyên tắc: kỷ cương về quy định giá, địa bàn tiêu thụ, gắn với sản lượng tiêu thụ gia tăng. Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin để triển khai và giám sát.

Rà soát, tái cơ cấu hệ thống nhà phân phối, cửa hàng tại một số địa bàn có thị phần thấp.

Tập trung phát triển thị trường một cách có trọng tâm, gắn với lợi thế hiện hữu của Vicem Hoàng Mai về thị phần, kênh phân phối và logistics.

Củng cố và mở rộng chương trình Gắn kết dài lâu với các cửa hàng đầu mối để tạo sự phát triển xi măng bao trong dài hạn.

Đẩy nhanh tốc độ phát triển ứng dụng các hệ thống phần mềm trong quản lý, điều hành và giám sát hệ thống khách hàng qua App mobile, Tracking phương tiện.

Quyết liệt trong triển khai các chương trình hành động theo định hướng phát triển đối với xi măng Max Pro vào các địa bàn có thị phần thấp như Tây Hà Tĩnh, Tây Nam Nghệ An. Sử dụng máy trat tường công nghiệp hỗ trợ cho công tác phát triển sản phẩm tại vùng Vinh và phụ cận nhằm tăng thêm hiệu quả truyền thông.

Hoàn thiện hệ thống quản lý bán hàng trên ứng dụng đặt hàng online. Tiếp tục triển khai phương án xuất hàng tự động, tích hợp, cải tiến phần mềm quản lý bán hàng điện tử DMS với ERP. Phối hợp với các đơn vị trong Vicem tìm đối tác xuất khẩu xi măng để nâng cao hiệu quả trong công tác kinh doanh xi măng xuất khẩu.

ĐỐI VỚI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện kế hoạch và các nguồn lực của Công ty, các đơn vị trong Công ty.

Thực hiện các biện pháp quản lý trong mua sắm, chi tiêu, thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Tiếp tục rà soát hàng hoá tồn kho, sử dụng vật tư phụ tùng tồn kho với mục tiêu tiếp tục giảm giá trị hàng tồn kho tối đa trong năm 2021.

Thực hiện nghiêm các quy định về quản lý tài chính, quản lý chi tiêu, quản lý chặt chẽ công nợ bán hàng để không có nợ xấu.

Tiếp tục triển khai việc giao quỹ tiền lương tới các đơn vị gắn liền với định biên lao động, sản lượng, chi phí sửa chữa.

Dựa trên các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 để tổ chức hội nghị đánh giá, phân tích hiệu quả kinh tế ngay từ đầu năm để các đơn vị trong công ty triển khai thực hiện một cách có hiệu quả các chỉ tiêu được giao.

VỀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Đối với dự án Xi măng Hoàng Mai 2: trong năm 2021, Công ty tiếp tục làm việc với các cơ quan quản lý để hoàn thành việc chuyển giao Dự án Gạch không nung Đông Hồi, hoàn thiện công tác lập FS trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, cấp phép đầu tư và triển khai thực hiện các thủ tục đầu tư, triển khai các gói thầu thuộc Dự án.

Đối với Dự án tận dụng nhiệt thừa phát điện: trong năm 2021, Công ty tích cực bám sát Tổng công ty xi măng Việt Nam để xin thỏa thuận chủ trương đầu tư dự án và lựa chọn đơn vị tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, thực hiện các bước tiếp theo để được thỏa thuận, thẩm định (thiết kế cơ sở, thiết kế công nghệ,

tổng mức đầu tư), phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi, kế hoạch lựa chọn nhà thầu để trong năm 2021 hoàn thiện ký hợp đồng thực hiện gói thầu chính.

Dự án đầu tư xây dựng Cảng Vicem Hoàng Mai tại Đông Hồi: Công ty triển khai thực hiện các bước tiếp theo của dự án theo trình tự: lập Hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư; thỏa thuận chủ trương đầu tư; phê duyệt chủ trương đầu tư (Quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư của cơ quan quản lý nhà nước).

Tiếp tục triển khai các hạng mục trong kế hoạch đối với các dự án nhóm C bao gồm: Dự án thăm dò bổ sung nâng cấp trữ lượng, xin cấp lại giấy phép khai thác Mỏ đá vôi Hoàng Mai B và Mỏ sét Quỳnh Vinh.

Thực hiện sửa chữa các công trình, vật kiến trúc phục vụ hoạt động SXKD của Công ty theo kế hoạch năm 2021 được phê duyệt.



CÔNG TÁC TỔ CHỨC, ĐỔI MỚI DOANH NGHIỆP VÀ CÁC CÔNG TÁC KHÁC

Hoàn thiện Đề án tái cơ cấu Công ty, trong đó hoàn thiện mô hình tổ chức, tái cơ cấu lực lượng lao động, tập trung thực hiện phương án giải quyết lao động dôi dư, để đạt được mục tiêu tăng năng suất lao động từ 7 đến 10%, tăng hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Thực hiện chương trình giao quỹ lương đến từng đơn vị gắn liền với sản lượng, chất lượng sản phẩm và chi phí sửa chữa nhằm tăng hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ người lao động ở tất cả các lĩnh vực thông qua việc triển khai các khóa đào tạo tại chỗ, đào tạo tập trung, đào tạo ngắn hạn, đào tạo dài hạn.

Thực hiện tốt công tác an toàn vệ sinh lao động, an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ trong công ty, đảm bảo trong năm 2020, không để xảy ra bất cứ tai nạn rủi ro nào đối với người và thiết bị.

Tổ chức đảng, công đoàn cùng chuyên môn phối hợp chặt chẽ tiếp tục duy trì và đẩy mạnh các phong trào thi đua trong toàn công ty với mục tiêu hoàn thành kế hoạch năm 2021 đã đề ra.





QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP ►

1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
2. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
3. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
4. THỦ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT
5. QUẢN TRỊ RỦI RO



“Chúng tôi tuân thủ các nguyên tắc quản trị công ty tốt nhất và thực hiện công việc kinh doanh phù hợp với các luật, quy tắc và quy định hiện hành, bao gồm Quy chế niêm yết (“Quy chế niêm yết”) của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội (HNX) và cố gắng thực hiện theo các nguyên tắc và hướng dẫn của “Bộ nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất dành cho Công ty đại chúng tại Việt Nam” do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (SSC) và Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) phối hợp soạn thảo và ban hành tháng 8/2019.



Trong năm 2020, Công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông tại Hoàng Mai ngày 17/06/2020. Hội nghị ban hành nghị quyết số 02/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/06/2020 thông qua các vấn đề:

- ✓ Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2019;
- ✓ Thông qua Báo cáo kết quả SXKD năm 2019 và kế hoạch SXKD năm 2020 của Công ty;
- ✓ Thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán;
- ✓ Thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019;
- ✓ Thông qua Tờ trình phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2019;
- ✓ Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2019;

- ✓ Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 cho Công ty;
- ✓ Thông qua thực hiện chi trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2019 và kế hoạch chi trả năm 2020;
- ✓ Thông qua Tờ trình về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty và sửa đổi Điều lệ Công ty liên quan đến việc bổ sung ngành nghề kinh doanh;
- ✓ Thông qua việc miễn nhiệm Ông Trần Việt Hồng thôi nhiệm vụ Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai theo nguyện vọng cá nhân;
- ✓ Chuẩn thuận kết quả bầu bổ sung Bà Đậu Thị Nga, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai là Ủy viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2018-2023.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ quyền hạn, nhiệm vụ được pháp luật và Điều lệ Công ty quy định; năm 2020, Hội đồng quản trị đã tổ chức 04 cuộc họp trực tiếp và 07 cuộc họp không trực tiếp theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Các thành viên HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát, đôn đốc kịp thời hoạt động của Ban điều hành thông qua việc giao ban công việc hàng quý, tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp quan trọng của Ban điều hành về việc triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT, hoặc về việc chuẩn bị các đề án, dự án để trình HĐQT.

Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát chặt chẽ, hỗ trợ kịp thời và đảm bảo hiệu quả hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc. Hội đồng quản trị theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành sản xuất kinh doanh trong năm 2020 thông qua các báo cáo, văn bản của Ban điều hành gửi báo cáo HĐQT; xem xét, giám sát báo cáo tài chính của Ban điều hành. Trực tiếp chỉ đạo và góp ý đối với Ban điều hành trong một số vấn đề quan trọng phát sinh trong quá trình điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT VỚI BAN GIÁM ĐỐC NĂM 2020

HĐQT thực hiện quyền giám sát đối với Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý thông qua việc đánh giá kiểm điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong các Nghị quyết. Tại các cuộc họp HĐQT, các đồng chí trong Ban Tổng giám đốc phải trình bày báo cáo và kiểm điểm kết quả thực hiện Nghị quyết liên quan đến nhiệm vụ mình phụ trách. Năm 2020, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý đã thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Công ty, thường xuyên bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty để điều hành. Cơ quan điều hành đã đưa ra nhiều giải pháp khắc phục khó khăn, đẩy mạnh sản lượng sản xuất, tiêu thụ và thực hiện tiết giảm các định mức trong sản xuất.



Các Nghị quyết đã ban hành

STT	NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG CHÍNH
1	03/NQ-XMHM-HĐQT	07/01/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất thông qua kế hoạch SXKD quý I năm 2020 của Công ty; - Thống nhất thông qua kế hoạch sử dụng lao động của Công ty năm 2020 và giao cho Tổng Giám đốc căn cứ tình hình thực tế để triển khai thực hiện.
2	08/NQ-XMHM-HĐQT	04/03/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất phê duyệt các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch SXKD quý II năm 2020 của Công ty. - Thống nhất giao Tổng Giám đốc chỉ đạo Ban Đầu tư xây dựng Công ty phối hợp với các Phòng/ban liên quan của Tổng công ty và bám sát Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng (CCID) để triển khai các bước công việc đầu tư Dự án tận dụng nhiệt thừa để phát điện. - Thống nhất ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty thực hiện các nội dung công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị: Ký kết Hợp đồng mua bán điện năm 2020 của Công ty với Bên bán điện theo quy định hiện hành; Ký kết và thực hiện các Hợp đồng tín dụng, các giao dịch tài chính với các tổ chức tín dụng và tổ chức khác theo đúng quy định hiện hành, phù hợp với điều kiện và tình hình sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng của Công ty; đảm bảo sử dụng vốn vay đúng mục đích, mang lại hiệu quả cho Công ty. - Thống nhất chủ trương về phương án xử lý đối với Chi nhánh CP Xi măng Vicem Hoàng Mai - Xi nghiệp Bê tông & Xây dựng. Sau khi có ý kiến chỉ đạo của Tổng công ty Xi măng Việt Nam thì lập phương án xử lý chi tiết. Giao cho Tổng Giám đốc Công ty chỉ đạo thực hiện tăng cường công tác thu hồi công nợ tại Xi nghiệp Bê tông & Xây dựng Hoàng Mai. - Thống nhất thời gian, địa điểm tổ chức và các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020. Ủy quyền cho Ủy viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty chỉ đạo các đơn vị liên quan chuẩn bị đủ các điều kiện cần thiết, hồ sơ tài liệu và làm văn bản báo cáo xin ý kiến VICEM theo quy định; - Thống nhất phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2019 của Công ty.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các Nghị quyết đã ban hành (tiếp theo)

STT	NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG CHÍNH
3	09/NQ-XMHHM-HĐQT	04/03/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất bổ nhiệm ông Đinh Văn Vịnh, Phó Quản đốc phụ trách Xưởng Xi măng giữ chức vụ Quản đốc Xưởng Xi măng, Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai. - Thống nhất bổ nhiệm ông Hoàng Khắc Cường, Phó Chánh Văn phòng phụ trách Văn phòng giữ chức vụ Chánh Văn phòng, Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai. - Thống nhất bổ nhiệm lại ông Mai Văn Dũng, Trưởng phòng Tổ chức giữ chức vụ Trưởng phòng Tổ chức, Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai. - Thống nhất bổ nhiệm lại ông Đậu Phi Tuấn, Trưởng phòng Kế hoạch giữ chức vụ Trưởng phòng Kế hoạch, Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai. - Thống nhất bổ nhiệm lại ông Phan Xuân Hiệp, Trưởng phòng Công nghệ thông tin giữ chức vụ Trưởng phòng Công nghệ thông tin, Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai.
4	14/NQ-XMHHM-HĐQT	12/06/2020	Thống nhất đề nghị Tổng công ty Xi măng Việt Nam cử bà Đậu Thị Nga - UV BTV Đảng ủy, Kế toán trưởng Công ty làm người đại diện phần vốn VICEM tại Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai và đề cử tham gia Hội đồng quản trị Công ty.
5	16/NQ-XMHHM-HĐQT	26/06/2020	Thống nhất thông qua lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị thực hiện soát xét và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 cho Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai.
6	22/NQ-XMHHM-HĐQT	03/08/2020	NQ của HĐQT V/v triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2019
7	23/NQ-XMHHM-HĐQT	03/08/2020	NQ của HĐQT V/v thống nhất chủ trương bổ nhiệm lại TGD Cty đối với ông Nguyễn Quốc Việt

STT	NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG CHÍNH
8	27/NQ-XMHHM-HĐQT	24/08/2020	NQ của HĐQT V/v sửa đổi, ban hành QC Tài chính; QC quản lý nợ; QC quản lý, sử dụng TSCĐ
9	32/NQ-XMHHM-HĐQT	11/09/2020	NQ của HĐQT V/v thông qua định mức KTKT năm 2020 trình VICEM thỏa thuận
10	33/NQ-XMHHM-HĐQT	07/10/2020	NQ của HĐQT V/v giao cho ông Nguyễn Quốc Việt – UV HĐQT thực hiện chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn của TGD Công ty.
11	35/NQ-XMHHM-HĐQT	16/10/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất phê duyệt các chỉ tiêu kế hoạch SXKD quý IV/2020; - Thống nhất ban hành Quy chế Tiêu thụ sản phẩm của Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai; - Thống nhất ban hành Quy chế Đào tạo của Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai; - Thống nhất việc sửa chữa, lắp đặt, thay thế hệ thống DCS; giao Tổng Giám đốc công ty chỉ đạo tổ chức đấu thầu rộng rãi trong nước, lựa chọn nhà thầu thực hiện việc sửa chữa hệ thống DCS của Công ty tuân thủ theo các quy định của pháp luật về lựa chọn nhà thầu, đảm bảo chất lượng, hiệu quả, tiết kiệm chi phí; - Hội đồng quản trị giao cho Tổng Giám đốc chỉ đạo phòng Tài chính kế toán, phòng Tổ chức phối hợp các đơn vị liên quan tiếp tục triển khai việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2019 theo đúng trình tự quy định; - Giao cho Tổng Giám đốc tiếp tục chỉ đạo bám sát Tổng công ty để có thống nhất, thỏa thuận việc Tái cơ cấu XN Bê tông để điều chỉnh Cơ cấu tổ chức Công ty; - Hội đồng quản trị thống nhất chủ trương và giao cho Tổng Giám đốc triển khai thực hiện hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng được quy định tại Điều 162, Luật doanh nghiệp hiện hành, đảm bảo mang lại hiệu quả cho Công ty, đúng quy định của pháp luật; - Giao cho Tổng Giám đốc triển khai công tác đào tạo, luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ, đặc biệt là các cán bộ trẻ đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty hiện tại và lâu dài.

Các Quyết định đã ban hành

STT	QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG CHÍNH
1	04/QĐ-XMHHM-HĐQT	07/01/2020	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng lao động năm 2020 của Công ty.
2	10/QĐ-XMHHM-HĐQT	05/03/2020	Quyết định về việc giao cho Tổng Giám đốc đại diện cho Công ty thực hiện: Ký kết và thực hiện các Hợp đồng tín dụng, các giao dịch tài chính với các tổ chức tín dụng và tổ chức khác theo đúng quy định hiện hành, phù hợp với điều kiện và tình hình sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty; Sử dụng vốn vay đúng mục đích, mang lại hiệu quả cho Công ty.
3	11/QĐ-XMHHM-HĐQT	05/03/2020	Quyết định về việc phê duyệt quỹ lương thực hiện năm 2019 của Công ty.
4	25/QĐ-XMHHM-HĐQT	06/08/2020	Quyết định phê duyệt chi phí khoán năm 2020 cho XN Tiêu thụ
5	28/QĐ-XMHHM-HĐQT	24/08/2020	Quyết định ban hành Quy chế Quản lý tài chính của Công ty

STT	QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG CHÍNH
6	29/QĐ-XMHHM-HĐQT	24/08/2020	Quyết định ban hành Quy chế Quản lý nợ của Công ty
7	30/QĐ-XMHHM-HĐQT	24/08/2020	Quyết định ban hành Quy chế Quản lý, sử dụng tài sản của Công ty
8	36/QĐ-XMHHM-HĐQT	16/10/2020	Quyết định ban hành Quy chế Đào tạo của Công ty
9	37/QĐ-XMHHM-HĐQT	16/10/2020	Quyết định ban hành Quy chế Tiêu thụ sản phẩm của Công ty
10	38/QĐ-XMHHM-HĐQT	16/10/2020	Quyết định phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công (điều chỉnh) khai thác mỏ sét Quỳnh Vinh
11	41/QĐ-XMHHM-HĐQT	30/12/2020	Quyết định phê duyệt các chỉ tiêu định mức kinh tế kỹ thuật năm 2020 của Công ty



HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2020

Ban kiểm soát Công ty do Đại hội cổ đông bầu ra và chịu trách nhiệm trước các cổ đông và pháp luật về những kết quả công việc của Ban Kiểm soát với Công ty.

Năm 2020, Ban kiểm soát Công ty đã tiến hành 04 cuộc họp trực tiếp để đánh giá việc thực hiện các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty trong hoạt động của Hội đồng quản trị; việc thực hiện các Nghị quyết do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị ban hành, của Ban Giám đốc Công ty.

Các thành viên Ban kiểm soát đã hoàn thành kế hoạch của Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban kiểm soát đã đóng góp nhiều ý kiến thiết thực trong công tác quản trị Công ty.

Việc kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát tập trung: Kiểm tra giám sát tình hình tài chính, bảo toàn vốn, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty, giám sát việc thực hiện chấp hành Điều lệ, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các quyết định, chỉ thị của VICEM đối với Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai, cụ thể:

- ✓ Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành trong năm 2020;
- ✓ Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đối với Hội đồng quản trị và Ban Điều hành;
- ✓ Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật;

- ✓ Thăm tra các Báo cáo tài chính 06 tháng, năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót trọng yếu đến báo cáo tài chính; giám sát việc thực thi những kiến nghị do Công ty kiểm toán độc lập đưa ra;

Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc đã tạo điều kiện hỗ trợ Ban kiểm soát hoàn thành tốt nhiệm vụ giám sát việc quản lý và điều hành Công ty; duy trì mối quan hệ làm việc, phối hợp đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty, của cổ đông, tuân thủ các quy định của pháp luật và các văn bản quản lý nội bộ. Năm 2020, Ban kiểm soát đã phối hợp tốt với Hội đồng quản trị và Ban Điều hành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, thể hiện:

- ✓ Ban kiểm soát đã được mời tham dự đầy đủ, tham gia ý kiến tại cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị Công ty;
- ✓ Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ về các Biên bản họp, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị liên quan đến công tác quản lý điều hành hoạt động của Công ty;
- ✓ Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ các thông tin tài liệu liên quan đến hoạt động, tình hình tài chính của Công ty định kỳ 6 tháng, năm;
- ✓ Ban kiểm soát đã tiếp tục thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo các quy định của pháp luật và công ty (Luật doanh nghiệp; Điều lệ tổ chức và hoạt động; Quy chế quản trị của Công ty; Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát);
- ✓ Ban kiểm soát đã thực hiện các cuộc kiểm tra, kiểm soát liên quan đến hoạt động đầu tư của Công ty;

- ✓ Thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát

KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ quý, năm (và bất thường) theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Hội đồng quản trị cũng đã thông qua nhiều quyết định bằng hình thức xin ý kiến bằng văn bản. Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm phù hợp với quy định pháp luật (và công ty), đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm;

Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết và Quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Công ty. Trong năm 2020, HĐQT đã thảo luận và quyết định một số vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của công ty.

Hội đồng quản trị thực hiện giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. HĐQT đã phối hợp cùng với Ban Điều hành chỉ đạo, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty để cố gắng hoàn thành các chỉ tiêu theo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 đã được thông qua trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020;

Các công tác khác theo chức năng và thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Hoạt động điều hành Công ty theo đúng nhiệm vụ, thẩm quyền được phân công, phân cấp. Chỉ đạo các phòng ban chức năng, các đơn vị thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT.

Ban hành các Quy chế, Quy định sửa đổi, bổ sung nhằm tăng cường quản lý hoạt động của Công ty, đảm bảo mang lại hiệu quả và đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh.

Tổ chức họp giao ban hàng tuần, hàng tháng, rà soát, đánh giá phân tích hoạt động sản xuất, tiêu thụ, tài chính và đầu tư từ đó kịp thời có các giải pháp khắc phục những khó khăn, vướng mắc còn tồn tại.

Ban điều hành đã chỉ đạo thực hiện nghiêm túc việc lập báo cáo tài chính quý, năm đúng hạn, đúng chuẩn mực kế toán và các quy định pháp luật của Việt Nam. Đối với khoản phải thu đã thực hiện thu hồi bảo lãnh công nợ tại ngày 31/12/2020 đạt 90%..

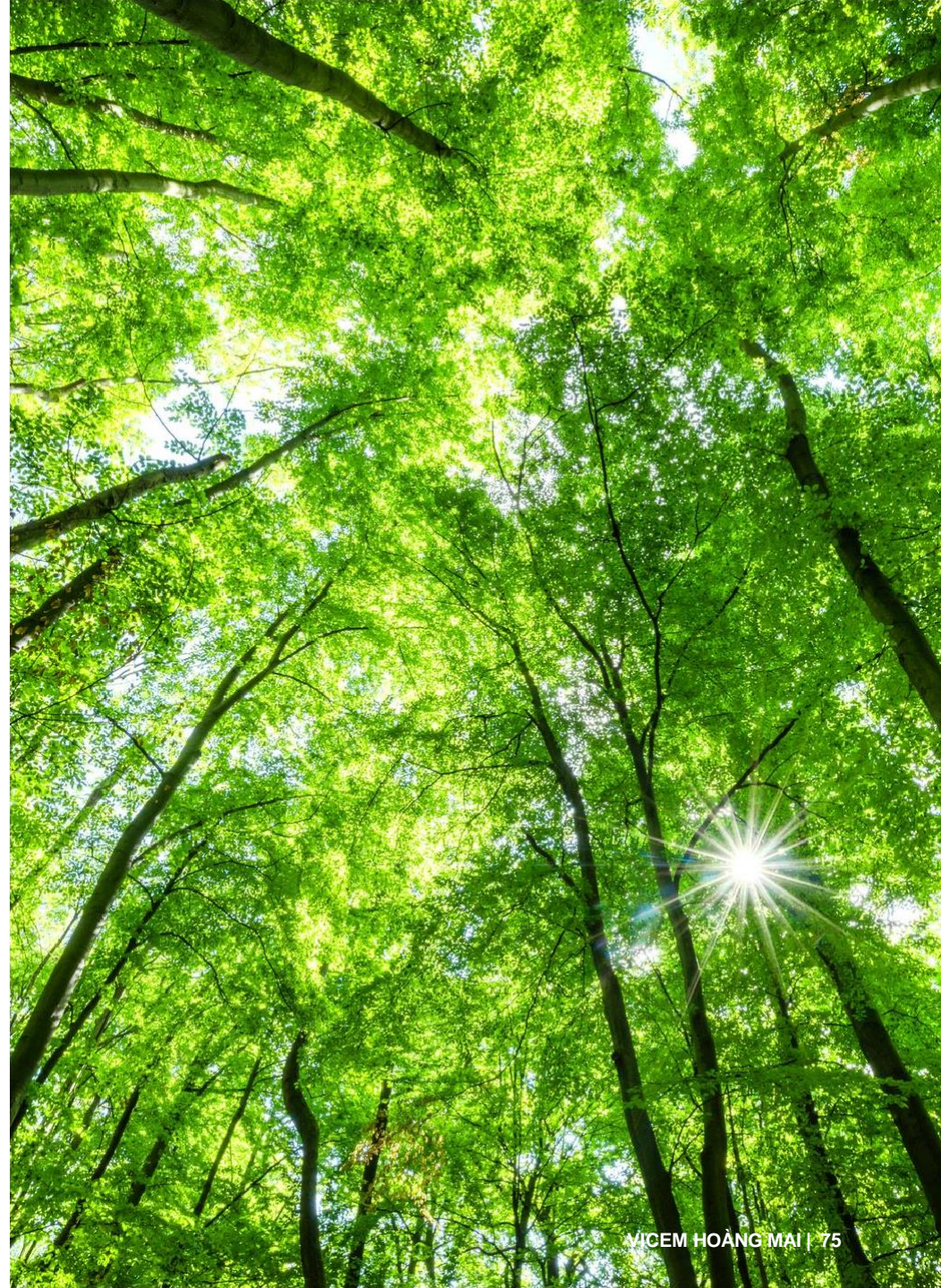
Công tác đầu tư xây dựng trong năm 2020 triển khai chậm so với tiến độ đặt ra, trong đó dự án nhóm A - Xi măng Hoàng Mai 2 vì phải được các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền xem xét phê duyệt cho nên Công ty không chủ động được về tiến độ thực hiện.

THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020 thông qua phương án chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị, ban kiểm soát như sau:

- Chủ tịch HĐQT mức: 8.000.000 đồng/người/tháng
- Các thành viên HĐQT mức: 6.000.000 đồng/người/tháng
- Thành viên Ban kiểm soát: 4.000.000 đồng/người/tháng

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao (đồng)
1	Đinh Quang Dũng	Chủ tịch HĐQT	96.000.000
2	Nguyễn Quốc Việt	Ủy viên HĐQT	72.000.000
3	Lê Trung Kiên	Ủy viên HĐQT	72.000.000
4	Trần Việt Hồng	Ủy viên HĐQT	36.000.000
5	Đậu Thị Nga	Ủy viên HĐQT	36.000.000
6	Trần Đức Danh	Ủy viên HĐQT	72.000.000
7	Cao Trọng Nghiên	Thành viên BKS	48.000.000
8	Thái Huy Chương	Thành viên BKS	48.000.000



Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai xác định quản trị rủi ro là một trong những nguyên tắc quản trị công ty hàng đầu cần được đặc biệt chú trọng. Ban lãnh đạo đã đề xuất và thực hiện nhiều biện pháp để quản trị rủi ro nhằm hạn chế ở mức thấp nhất các ảnh hưởng xấu của những rủi ro này đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.



Công ty đã xây dựng hệ thống quản trị rủi ro dựa trên những thông lệ và chuẩn mực quốc tế, đồng thời áp dụng linh hoạt phù hợp với mô hình của hoạt động công ty và môi trường hoạt động kinh doanh tại Việt Nam. HĐQT và Ban điều hành công ty đã nhận diện những rủi ro chính ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Hoạt động quản trị rủi ro hướng đến các mục tiêu:

- ✓ Kịp thời nhận diện rủi ro và khai thác các cơ hội, tối ưu hóa hiệu quả hoạt động;
- ✓ Tăng cường năng lực trong việc ra quyết định, lập kế hoạch và sắp xếp thứ tự ưu tiên công việc trên cơ sở hiểu biết thấu đáo và chặt chẽ về hoạt động kinh doanh, môi trường kinh doanh, cơ hội và thách thức của Công ty;
- ✓ Bảo vệ và tăng cường tài sản cũng như hình ảnh Công ty;
- ✓ Phân định rõ ràng trách nhiệm sở hữu và quản trị rủi ro, xây dựng cơ chế giám sát và báo cáo rủi ro liên tục trong toàn Công ty.

1. Rủi ro trong hoạt động sản xuất và vận hành nhà máy

Nhà máy xi măng Hoàng Mai đã vận hành liên tục và hoạt động sản xuất 26 năm, mặc dù được sửa chữa lớn, bảo dưỡng định kỳ, thường xuyên nhưng thiết bị, máy móc trong dây chuyền công nghệ đang có xu hướng giảm tuổi thọ, bước vào giai đoạn có nguy cơ tiềm ẩn những sự cố, hỏng hóc. Những sự cố trong vận hành nếu phát sinh sẽ dẫn tới ngừng hoạt động của thiết bị chính để khắc phục, thời gian dừng hoạt động của thiết bị chính sẽ tác động lớn đến khả năng hoàn thành chỉ tiêu sản lượng sản xuất, tiêu thụ, doanh thu, lợi nhuận. Bên cạnh đó, sự cố trong vận hành nhà máy cũng có nguy cơ tác động đến môi trường, an toàn lao động. Chi phí duy tu, bảo dưỡng định kỳ và sửa chữa lớn làm tăng chi phí đầu vào của sản phẩm sản xuất. Ngoài ra, tiềm ẩn nguy cơ rủi ro về cháy nổ.

2. Rủi ro về cung - cầu trên thị trường hàng hóa

Chủ tịch Hiệp hội Xi măng Việt Nam nhấn mạnh khi nói về câu chuyện dư cung của ngành xi măng: “Dư thừa năng lực sản xuất đang là vấn đề đối với phần lớn doanh nghiệp trong ngành”. Theo thông tin từ Bộ xây dựng, cả nước hiện có 90 dây chuyền sản xuất xi măng với tổng công suất đạt 106,6 triệu tấn. Ngành xi măng đang rơi vào tình trạng “cung” vượt quá “cầu” nên cạnh tranh càng quyết liệt hơn. Thị trường trong nước tiêu thụ khó khăn, các doanh nghiệp đã tìm hướng xuất khẩu. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của đại dịch Covid vẫn đang diễn biến phức tạp trên thế giới, việc thực hiện giãn cách xã hội làm cho nhu cầu thị trường xuất khẩu giảm, áp lực cạnh tranh lên thị trường nội địa càng lớn.

3. Rủi ro về nguồn nguyên liệu đầu vào

Ngoài yếu tố thời tiết, một nguyên nhân quan trọng khác làm ảnh hưởng đến tình hình tiêu thụ xi măng trong nước đến từ yếu tố nguyên vật liệu đầu vào. Nguyên liệu chính làm nên xi măng gồm đá vôi, đá sét, đất giàu sắt, đất giàu silic; nhiên liệu chính gồm than, dầu, điện; kết hợp với các phụ gia như bazan, thạch cao... trong quá trình sản xuất để tạo nên thành phẩm.

Xét về nhiên liệu, bình quân mỗi tấn xi măng sản xuất phải sử dụng 80 kwh điện, chi phí điện chiếm khoảng 15% giá thành. Giá xăng dầu, giá gas biến động theo tình hình thị trường thế giới dẫn đến chỉ số giá nhóm ngành giao thông, nhà ở và vật liệu xây dựng cũng biến động cùng chiều làm ảnh hưởng đến nhu cầu đầu tư, xây dựng cơ bản. Điều này dẫn đến sản lượng tiêu thụ xi măng cũng biến động không ngừng. Vì vậy, giá nhiên liệu từ lâu đã trở thành mối quan tâm tại từng thời điểm trong năm của ngành sản xuất xi măng.

Để hạn chế rủi ro này, trong hoạt động sản xuất Công ty luôn chú trọng việc rà soát, hoàn thiện và chuẩn hoá các Bộ định mức vật tư tiêu hao nguyên nhiên vật liệu để tiết kiệm chi phí giảm giá thành sản phẩm. Ngoài ra công ty có kế hoạch sửa chữa bảo dưỡng tổng thể Nhà máy theo định kỳ nhằm duy trì hoạt động sản xuất an toàn, hiệu quả và đảm bảo tuổi thọ của máy móc thiết bị.



4. Rủi ro biến động lãi suất

Lãi suất là biến số kinh tế nhạy cảm, sự thay đổi của lãi suất sẽ tác động làm thay đổi hành vi sản xuất và tiêu dùng của xã hội. Theo dự báo, kinh tế Việt Nam sẽ lạm phát cao do chi phí y tế, giáo dục tăng.

Hiện nay, Công ty đang tìm cách giảm thiểu rủi ro lãi suất này thông qua các biện pháp như: kiểm soát chặt chẽ công nợ phải thu, tối ưu hoá việc sử dụng vốn, tăng vòng quay đồng tiền, ưu tiên thanh toán nợ trước hạn đối với các khoản vay có lãi suất cao, cơ cấu lại các khoản vay từ lãi suất cao xuống lãi suất thấp.

5. Rủi ro khác

Hoạt động của Công ty cũng chịu ảnh hưởng của các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hoả hoạn, dịch bệnh, bão lớn, mưa kéo dài v.v... Năm 2020 là một năm chứng kiến sự tác động mạnh mẽ của các yếu tố thời tiết và dịch bệnh đối với nền kinh tế nói chung và ngành xi măng nói riêng, trong bối cảnh bùng phát dịch Covid-19 và thiên tai lũ lụt tại miền Trung và xâm nhập mặn vùng Tây Nam bộ. Đây là những rủi ro bất khả kháng và khó dự đoán nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra, Công ty đã tiến hành tham gia mua bảo hiểm cho tài sản mà Công ty đang khai thác, sử dụng.



PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



1. PHÁT TRIỂN CÁC GIÁ TRỊ BỀN VỮNG QUỐC GIA
2. VICEM HOÀNG MAI 2020 - HÀNH ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
3. HÀNH ĐỘNG CỤ THỂ VÀ THÀNH QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TỪ TRÁCH NHIỆM BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
4. TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

PHÁT TRIỂN CÁC GIÁ TRỊ BỀN VỮNG QUỐC GIA

“

Mục tiêu Phát triển Bền vững (Sustainable Development Goals - SDGs) là một bộ 17 mục tiêu phổ quát mà các nước thành viên Liên Hiệp Quốc áp dụng vào chương trình nghị sự và chính trị đến năm 2030 sau khi Các mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ (Millennium Development Goals - MDGs) hết hạn vào cuối năm 2019. Đây là định hướng chiến lược cho giai đoạn mới đối với sự phát triển bền vững của nền kinh tế toàn cầu, nhằm khuyến khích các quốc gia trên thế giới cùng tham gia tạo nên một thế giới năng động, phát triển hài hòa và bền vững trong dài hạn.



“

Tại Việt Nam, Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 thông qua 17 Mục tiêu Phát triển Bền vững quốc gia đến năm 2030.

VICEM HOÀNG MAI 2020 - HÀNH ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Bám sát với các mục tiêu của Kế hoạch hành động quốc gia 2030 và tầm nhìn của VICEM, Vicem Hoàng Mai đã lựa chọn các ưu tiên trong kế hoạch hành động 2020 cho mục tiêu phát triển bền vững tập trung vào các nội dung chính sau:



Đảm bảo cuộc sống khỏe mạnh và thúc đẩy phúc lợi cho tất cả mọi người ở mọi lứa tuổi.



Đảm bảo mô hình sản xuất và tiêu thụ bền vững



Đảm bảo tính sẵn có và quản lý bền vững nước và vệ sinh cho mọi người



Hành động khẩn cấp nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu và những tác động của biến đổi khí hậu



Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế dài hạn, rộng mở và bền vững, việc làm đầy đủ, năng suất và công việc tốt cho tất cả mọi người.



Bảo vệ, khôi phục và tăng cường sử dụng bền vững hệ sinh thái trái đất, quản lý rừng bền vững, đấu tranh chống lại việc chặt phá rừng, ngăn chặn và phục hồi sự suy giảm đất và ngăn chặn quá trình suy thoái đa dạng sinh học

Đạt được các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) lựa chọn nêu trên là một thách thức không hề nhỏ trong bối cảnh biến đổi khí hậu tác động mạnh mẽ lên hầu hết các khía cạnh cuộc sống. Vicem Hoàng Mai đã và đang triển khai - sử dụng công nghệ tiên tiến bậc nhất trong việc sản xuất các sản phẩm trên nguyên tắc tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về công tác đảm bảo an toàn, sức khỏe và bảo vệ môi trường, đồng thời tích cực hưởng ứng và tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu về môi trường.

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

MỤC TIÊU

Kiểm soát mức độ ô nhiễm môi trường trong phạm vi cho phép đối với người dân xung quanh và khu đô thị gần nhà máy.

Sử dụng hiệu quả nhất các nguyên liệu đầu vào, đặc biệt là khí tự nhiên, đồng thời hạn chế tối đa lượng khí CO2 thải ra bên ngoài.

Giảm sự phát tán bụi công nghiệp ra môi trường.

Đảm bảo kết quả giám sát chất lượng môi trường của các nhà máy, tòa nhà văn phòng và các công trình, đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường.

Áp dụng tuân thủ và thực hiện có hiệu quả hệ thống quản lý Chất lượng - An toàn sức khỏe - Môi trường - Năng lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2015, ISO 14001-2015.

HÀNH ĐỘNG

Lập kế hoạch quản lý môi trường phù hợp, thường xuyên chuẩn bị kế hoạch ứng phó các tác động tiêu cực và liên tục đề xuất các giải pháp nhằm giảm thiểu tác động ô nhiễm môi trường.

Thực hiện thay thế hệ thống lọc bụi tĩnh điện 123EP1; sau khi thay thế, nồng độ bụi đầu ra khỏi ống khói chính khi hoạt động tại công đoạn lò nung giảm từ hơn 90 mg/Nm3 xuống còn dưới 50 mg/Nm3, đạt tiêu chuẩn quy định về nồng độ bụi khí thải trong sản xuất xi măng của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Tiến hành lắp đặt thiết bị đốt rác thải và tiến hành đốt thử nghiệm rác thải tại calciner.

Năm 2020, tiếp tục thực hiện chủ trương đẩy mạnh xử lý, sử dụng tro, xỉ thạch cao và các sản phẩm phế thải công nghiệp khác của các nhà máy nhiệt điện, hóa chất... với mục tiêu bảo vệ môi trường, giảm sử dụng tài nguyên khoáng sản. Công ty đã triển khai thử nghiệm và sử dụng xỉ hoạt tính để thay thế xỉ nhiệt điện đăm làm phụ gia trong sản xuất xi măng và gia công, vừa đem lại lợi ích kinh tế, vừa xử lý chất thải công nghiệp góp phần bảo vệ môi trường.

Công ty đã hoàn thiện báo cáo phương án sửa chữa, xử lý một số nút thắt công nghệ (cải tạo cyclone C1, cải tạo sửa đổi hệ thống ghi làm nguội clinker) chuẩn bị triển khai thực hiện trong tháng 02 năm 2021 nhằm nâng cao hiệu suất lắng của các cyclone, tăng hiệu suất thu hồi nhiệt tại ghi làm nguội, giảm tiêu hao than. Điều này góp phần giảm phát thải CO2 và bụi ra môi trường.



MỤC TIÊU

Đảm bảo môi trường làm việc cho người lao động đạt tiêu chuẩn sức khỏe, xanh, sạch, đẹp.

Thực hiện đúng, đầy đủ các chế độ, chính sách về tiền lương, tiền thưởng, ăn ca, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, trợ cấp ốm đau, thai sản, khám sức khỏe định kỳ đầy đủ cho người lao động.

100% người lao động được mua bảo hiểm thân thể.

100% được tham gia đào tạo đúng chuyên môn công tác, được huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động, được ký kết hợp đồng lao động đúng quy định.

100% cán bộ nhân viên được tham gia các tổ chức chính trị, xã hội, tham quan du lịch học tập kinh nghiệm, giao lưu văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao.

Hoạt động sản xuất kinh doanh bền vững, ổn định, tăng đóng góp vào ngân sách Nhà nước

Tạo ra việc làm ổn định và hiệu quả cho người lao động.

HÀNH ĐỘNG

Thu nhập bình quân người lao động bao gồm hỗ trợ của VICEM là gần 11 triệu đồng, bằng thực hiện năm 2019.

Tổ chức hơn 40 khóa đào tạo các lĩnh vực quản lý, tài chính, kinh tế, kỹ thuật, cụ thể như: khóa đào tạo trung cấp lý luận chính trị; tập huấn kiến thức pháp luật về lao động, tiền lương; bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra nội bộ; đào tạo xây dựng kênh phân phối 4.0; đào tạo kỹ năng nghiệp vụ dành cho cán bộ tham mưu tổng hợp; huấn luyện nghiệp vụ, tổ chức diễn tập phòng cháy chữa cháy; diễn tập ứng phó sự cố an toàn bức xạ... Tổng số người được đào tạo năm 2020 là trên 1.300 lượt người với tổng giá trị đào tạo đạt 1,6 tỷ đồng.

Thường xuyên thăm hỏi đồng viên kịp thời cán bộ nhân viên gặp khó khăn, hoạn nạn; thực hiện việc hỗ trợ, giúp đỡ cho các gia đình người lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

Tổ chức giải bóng chuyền nam và nữ, tổ chức giao lưu thể dục thể thao, văn hoá văn nghệ, tọa đàm giữa các tổ nữ công chào mừng ngày Quốc tế phụ nữ và ngày thành lập hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam

Đóng góp vào Ngân sách Nhà nước năm 2020 đạt 48,4 tỷ đồng.

Bước đầu đã triển khai hiệu quả nội dung đề án tái cơ cấu Công ty giai đoạn 2019 – 2025 như xây dựng định mức lao động, giao khoán quỹ tiền lương, ban hành mới quy chế tiền lương phù hợp với điều kiện, tình hình sản xuất kinh doanh đồng thời đảm bảo tính công bằng cho cán bộ nhân viên, thúc đẩy tăng năng suất lao động.



HÀNH ĐỘNG CỤ THỂ VÀ THÀNH QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TỪ TRÁCH NHIỆM BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Thực hiện các cam kết của báo cáo đánh giá tác động môi trường qua quá trình thực hiện, Công ty đã được Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường Nghệ An xác nhận đã lắp đặt các hệ thống xử lý môi trường phù hợp với ĐTM, thực hiện nghiêm túc các hoạt động bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt ĐTM.

KIỂM SOÁT KHÍ THẢI, BỤI

Khí thải của nhà máy chủ yếu phát sinh từ các công đoạn nung Clinker được thải ra ống khói chính cao 110m. Khí thải từ các công đoạn sản xuất của nhà máy trước khi thải ra môi trường qua các ống khói trên được xử lý qua hệ thống lắng lọc cyclon và 03 hệ thống lọc bụi tĩnh điện và 01 hệ thống lọc bụi túi (thiết bị lọc bụi bằng phương pháp này có hiệu suất lọc bụi đạt 99,99%) nên không gây tác động đáng kể đến môi trường không khí xung quanh.

Công ty đã tiến hành lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục và truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nghệ An nên các thông số phát thải được kiểm soát và luôn đảm bảo các Quy chuẩn của nhà nước.

Các khu vực khác như: Khoan nổ min, vận tải bằng ô tô trên mỏ, trên đường nội bộ nhà máy được lặn lu, tưới nước; các cửa đổ của trạm đập đá vôi, sét, thạch cao, bazan, kho chứa nguyên nhiên liệu đều được lắp đặt các lọc bụi túi; tuyến băng tải tiếp nhận nguyên nhiên liệu đầu vào, vận chuyển Clinker có nắp đậy bằng tôn.

Vào những ngày nắng nóng, hanh khô, các tuyến đường, bãi có nguy cơ phát tán bụi được tưới nước thường xuyên nhằm hạn chế bụi phát tán ra các khu dân cư xung quanh.

Trồng hơn 17 ha cây xanh trong và xung quanh nhà máy để ngăn bụi lan ra ngoài nhà máy và cải thiện điều kiện vi khí hậu.



KIỂM SOÁT NƯỚC THẢI

Nước sử dụng trong nhà máy được khai thác từ các giếng khoan của Công ty theo Giấy phép khai thác nước dưới đất số 1690/GP-BTNMT ngày 05/07/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp. Lượng nước sử dụng trung bình là 3.600 m³/ngày/đêm (bao gồm lượng nước thất thoát từ khai thác vận chuyển về nhà máy). Lượng nước này dùng để làm mát thiết bị, khí thải, nguyên liệu, sản phẩm... và sinh hoạt.

Nước sản xuất một phần bị bay hơi trong quá trình làm mát thiết bị, khí thải, nguyên liệu, sản phẩm...phần còn lại được tái sử dụng hoàn toàn không thải ra môi trường ngoài.

Nước thải ra môi trường trung bình 25 m³/ngày/đêm, chủ yếu là nước sinh hoạt của người lao động trong Công ty. Nước thải sinh hoạt trước khi thải ra môi trường ngoài được thu gom về các bể phốt sau đó lắng lọc và được xử lý bằng phương pháp vi sinh tại hồ chứa nước thải của Nhà máy sau đó mới thải ra sông Sác - xã Quỳnh Vinh - thị xã Hoàng Mai - Tỉnh Nghệ An theo giấy phép xả thải (không thải ra đồng ruộng). Nước thải ra luôn nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B), Công ty đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Nghệ An cấp giấy phép xả thải số 66/GP-STNMT.NBHĐ ngày 11 tháng 11 năm 2016.

KIỂM SOÁT CHẤT THẢI

Rác thải sinh hoạt (chất hữu cơ, giấy, túi nilong, bao gói, cành cây, rác thải quét dọn sân bãi...) phát sinh khoảng 73.610kg/năm được Công ty CP Đầu tư và Phát triển Môi trường Đô thị Hoàng Mai thu gom và xử lý theo quy định.

Rác thải công nghiệp thông thường (đất cát rơi vãi, clinker hỏng...) phát sinh khoảng 320.000kg/năm, loại chất thải này chủ yếu được tái sử dụng lại và một phần rất ít chôn lấp tại bãi chôn lấp chất thải của Công ty - Dự án xây dựng bãi chôn lấp chất thải rắn của nhà máy xi măng đã được UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) tại Quyết định số 1810/QĐ.UB ngày 31/8/2004.

Các loại chất thải nguy hại (dầu thải, thùng phuy dính dầu, dẻ lau dính dầu, chai đựng hóa chất, chai dính dầu, lọc dầu các loại xe máy, ắc quy hỏng, bóng đèn huỳnh quang hỏng, rác thải y tế) phát sinh trung bình khoảng 20.230 kg/năm được Công ty tổ chức thu gom, phân loại, đóng gói, xác định khối lượng và đưa về các kho lưu trữ chất thải nguy hại tập trung của Công ty.

Đối với các loại chất thải (dầu thải, dẻ lau dính dầu, chai đựng hóa chất, chai dính dầu) được xử lý bằng phương pháp thiêu hủy tại lò nung clinker; Công ty được Bộ Tài nguyên và Môi trường chấp thuận cho tự xử lý các loại chất thải nêu trên tại Văn bản số 92/TCMT-ĐT ngày 24/01/2014.

Đối với các loại chất thải nguy hại không được xử lý (thùng phuy dính dầu, lọc dầu các loại xe máy, tuy ô thải, đất cát thấm dầu, bao bì cứng bằng nhựa thải, ắc quy hỏng, bóng đèn huỳnh quang hỏng, rác thải y tế) Công ty thuê đơn vị có đủ chức năng để xử lý.

Công ty được Sở Tài nguyên và môi trường cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại có mã số QLCTNH: 40.000291.Tx, cấp lại lần thứ 7 ngày 22/4/2014.

HÀNH ĐỘNG CỤ THỂ VÀ THÀNH QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TỪ TRÁCH NHIỆM BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

CHẾ ĐỘ QUAN TRẮC, GIÁM SÁT CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ

Thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường và Quyết định phê duyệt, hàng năm Công ty luôn thực hiện quan trắc, giám sát môi trường theo các quy định của ĐTM và các quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

- Quan trắc môi trường không khí trong nhà máy 02 lần/năm; các thông số giám sát: Bụi lơ lửng, SO₂, NO_x, CO, tiếng ồn.
- Quan trắc môi trường khí thải công nghiệp xi măng bằng hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục và truyền dữ liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nghệ An.
- Quan trắc môi trường nước thải sinh hoạt khu vực mỏ 2 lần/năm; các thông số giám sát gồm 15 chỉ tiêu: pH, DO, TSS, TDS, S₂-, NH₄⁺, chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ khoáng, tổng N, tổng P, NO₃-, PO₄³⁻, COD, BOD₅ và Coliform.

Quan trắc môi trường nước thải sinh hoạt nhà máy 4 lần/năm; các thông số giám sát gồm 10 chỉ tiêu: pH, DO, TSS, tổng dầu mỡ, NO₃-, PO₄³⁻, Amoni, COD, BOD₅ và Coliform.

- Quan trắc môi trường nước mặt 2 lần/năm; các thông số giám sát gồm 10 chỉ tiêu: pH, DO, TSS, tổng dầu mỡ, NO₃-, PO₄³⁻, Amoni, COD, BOD₅ và Coliform.
- Quan trắc độ rung 2 lần/năm: 02 mẫu.
- Quan trắc khí thải khí đồng xử lý CTNH trong lò nung Clinker.

Qua kết quả quan trắc, khảo sát trong những năm vừa qua cho thấy các chỉ tiêu môi trường đều nằm trong giới hạn cho phép, chất lượng môi trường tại khu vực khai thác mỏ và xung quanh nhà máy đều đảm bảo, hàm lượng bụi, khí thải đều nằm trong giới hạn của các tiêu chuẩn đã ban hành và không có nhiều biến động giữa các đợt quan trắc.

KIỂM SOÁT KHÍ TIẾNG ỒN, RUNG

Lắp đặt lò xo, cao su giảm chấn nhằm chống rung, ồn.

Lắp đặt đệm chống rung đối với các thiết bị có công suất lớn.

Dùng các vật liệu cách âm cứng như hút âm để kiểm soát tiếng ồn.

Trang bị các phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.

Trồng nhiều cây xanh trong và xung quanh nhà máy để ngăn bụi và tiếng ồn phát tán ra ngoài nhà máy.

TRÁCH NHIỆM TÀI CHÍNH VỚI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Thực hiện Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 03 năm 2013 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, Công ty đã nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải hàng năm theo yêu cầu của Chi cục bảo vệ môi trường Nghệ An.

Công ty đã thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo các Văn bản thông báo của Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Nghệ An và Bộ Tài nguyên môi trường.

Tổng số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường Vicem Hoàng Mai đã nộp đến 31/12/2020 là hơn 12 tỷ đồng.





Với quan điểm và phương châm phát triển bền vững, Công ty tin tưởng sẽ vượt qua khó khăn thách thức trong điều kiện kinh tế khó khăn, nhiều biến động, gìn giữ môi trường và thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

Vì một tương lai bền vững

Một trong 17 mục tiêu của phát triển bền vững là để đảm bảo cuộc sống khỏe mạnh và thúc đẩy phúc lợi cho tất cả mọi người ở mọi lứa tuổi, đồng thời phát triển bền vững cũng hướng đến những lợi ích chung cho tất cả cộng đồng. Nhận thức rõ rệt những giá trị nêu trên, Ban điều hành Công ty luôn bám sát, chỉ đạo và định hướng các hoạt động của Công ty hướng đến Trách nhiệm vì xã hội, vì cộng đồng có hiệu quả bằng những hành động thiết thực với các bên hữu quan. Cụ thể:

ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công đoàn tổ chức thăm hỏi động viên kịp thời đoàn viên công đoàn gặp khó khăn, hoạn nạn; thực hiện việc hỗ trợ, giúp đỡ cho 30 đoàn viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trong dịp tết nguyên đán Canh Tý 2020 với số tiền trợ cấp là 67 triệu đồng;

Công đoàn Công ty đã đề nghị Ban thường vụ Công đoàn Tổng công ty xi măng Việt Nam chi trợ cấp khó khăn cho 30 đoàn viên công đoàn của Công ty có hoàn cảnh khó khăn với mức 500.000 đồng/người; tổ chức thăm và tặng quà cho người lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và các gia đình người lao động bị mất do tai nạn lao động mất Tết nguyên đán; hỗ trợ nuôi dưỡng con người lao động bị tai nạn lao động mất đến năm 18 tuổi với số tiền 300.000 đồng/tháng;

Phối hợp với chuyên môn tổ chức đời sống cho người lao động về vật chất và tinh thần nhân dịp Tết nguyên đán Canh Tý năm 2020; tặng giỏ quà tết cho cán bộ công nhân viên với tổng giá trị gần 970 triệu đồng;

Phối hợp với chuyên môn, mua bảo hiểm thân thể cho 100% cán bộ công nhân lao động với mức giá trị là 127 triệu đồng/năm;

Nhân dịp tháng công nhân năm 2020, Công đoàn Công ty phối hợp với Công đoàn Tổng công ty xi măng Việt Nam trao quà cho 06 người lao động bị tai nạn lao động, ốm đau dài hạn, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn với số tiền 18.000.000 đồng;

Tổ chức giao lưu thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ, tọa đàm giữa các tổ nữ công chào mừng 110 năm ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3 và kỷ niệm 90 năm ngày thành lập hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam 20/10/2020;

Nhân dịp 1/6, tặng quà cho các cháu thiếu nhi là con cán bộ công nhân lao động trong toàn Công ty; nhân dịp Tết Trung thu, Công đoàn Công ty, Ban nữ công Công ty đã phối hợp với các phòng ban liên quan tổ chức “Ngày hội Trăng rằm”, tiệc buffet cho hơn 1000 cháu thiếu niên nhi đồng là con của cán bộ công nhân lao động Công ty, ngoài ra tặng mỗi cán bộ công nhân một hộp quà trung thu; tặng quà cho các cháu học sinh là con của người lao động trong Công ty đạt thành tích cao trong học tập. Tổng giá trị cho các hoạt động trên trong năm 2020 là 794 triệu đồng.



ĐỐI VỚI CÁC BÊN HỮU QUAN

Bên cạnh nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, Ban Lãnh đạo Công ty đã phối hợp với Công đoàn và Đoàn thanh niên Công ty tổ chức phát động các phong trào tương trợ giúp nhau vượt qua khó khăn và tham gia công tác an sinh xã hội như lập quỹ tình thương đền ơn đáp nghĩa, ủng hộ đồng bào bị thiên tai, bão lụt; ủng hộ quỹ khuyến học khuyến tài, hưởng ứng chương trình nông thôn mới, gia đình chính sách, nhận phụng dưỡng bà mẹ liệt sỹ... Công ty luôn đặc biệt quan tâm đến công tác từ thiện, nhân đạo, công tác an sinh xã hội vì cộng đồng. Cụ thể, phối hợp với Đảng ủy, Hội cựu chiến binh, Đoàn thanh niên công ty, Xí nghiệp tiêu thụ tổ chức từ thiện nhân đạo trên địa bàn tỉnh Nghệ An và các tỉnh lân cận như sau:

- Phát huy truyền thống đoàn kết “tương thân tương ái” năm 2020 đoàn viên công đoàn đã ủng hộ cho các tỉnh miền trung gặp khó khăn do thiên tai, lũ lụt sớm ổn định cuộc sống và các công tác từ thiện nhân đạo, an sinh xã hội khác;
- Hỗ trợ xi măng, bê tông cho một số địa phương xây dựng nông thôn mới, các công trình giao thông theo chủ trương chính phủ, các đơn vị bộ đội, công an để tu sửa doanh trại với số lượng là 679 tấn xi măng và 904 m³ bê tông với giá trị hỗ trợ là 1.512 triệu đồng;
- Hưởng ứng chương trình “vui tết vì người nghèo” công ty phối hợp cùng ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An để trao quà cho nhân dân tỉnh nhà;
- Tặng khẩu trang phòng chống dịch Covid 19 cho cộng đồng với giá trị 900 triệu đồng.

- Thăm hỏi và tặng quà cho 02 Mẹ Việt Nam anh hùng và 03 cháu mồ côi do Công ty nhận phụng dưỡng, trợ cấp nhân dịp Tết nguyên đán năm 2020;
- Hỗ trợ cho Hội Bác sỹ tình nguyện để tư vấn, khám sức khỏe và phát thuốc miễn phí cho đồng bào các tỉnh miền trung; ủng hộ đồng bào các huyện miền núi tỉnh Nghệ An; ủng hộ để xây dựng điểm trường bản Nà Nhung, xã Phiêng Pắn, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La nhằm giúp các em học sinh nghèo ở miền núi có điều kiện học tập tốt hơn, nâng cao vật chất, tinh thần cho các em; phối hợp với ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An giúp đỡ các em có hoàn cảnh khó khăn vươn lên học giỏi; hỗ trợ xây nhà tình nghĩa cho gia đình thân nhân liệt sỹ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn tại huyện Quỳnh Lưu và Thanh Chương; hỗ trợ cho trung tâm bảo trợ Hồ Chân Lạc để giúp đỡ các em khuyết tật, mồ côi, trẻ em lang thang cơ nhỡ, người già không nơi nương tựa, trẻ bị chất độc hóa học...vv. Tổng giá trị hỗ trợ là 570 triệu đồng.

Với sự tận tâm và hỗ trợ thiết thực, kịp thời, Vicem Hoàng Mai cam kết sẽ luôn song hành giữa sản xuất kinh doanh và thực hiện trách nhiệm xã hội với cộng đồng.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH



1. THÔNG TIN CHUNG
2. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
3. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
4. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
5. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
6. BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ
7. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai (“Công ty”), tiền thân là Công ty Xi măng Hoàng Mai - một doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam (VICEM), được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2703001834 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp ngày 1 tháng 4 năm 2008 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 9 được cấp ngày 3 tháng 12 năm 2020.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh clinker và các sản phẩm xi măng, vật liệu xây dựng và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính và nhà máy tại Khối 7, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đinh Quang Dũng	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Quốc Việt	Thành viên	
Ông Trần Đức Danh	Thành viên	
Ông Lê Trung Kiên	Thành viên	
Bà Đậu Thị Nga	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 6 năm 2020
Ông Trần Việt Hồng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 6 năm 2020

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Quốc Việt	Tổng Giám đốc
Ông Đặng Ngọc Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Thái Huy Chương	Thành viên
Ông Cao Trọng Nghiên	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Quốc Việt, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là Công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc: 




Nguyễn Quốc Việt
Tổng Giám đốc

Nghệ An, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai (“Công ty”) được lập ngày 26 tháng 3 năm 2021 và được trình bày từ trang 5 đến trang 37, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu Hạn Ernst & Young Việt Nam



Trịnh Xuân Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0754-2018-004-1

A handwritten signature in blue ink, appearing to read 'Lê Hồng Vân'.

Lê Hồng Vân
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4432-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam


Ngày 27 tháng 3 năm 2021


Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		588.663.014.053	537.780.692.996
110	I. Tiền	4	45.431.938.636	39.853.982.745
111	1. Tiền		45.431.938.636	39.853.982.745
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		242.323.265.823	199.380.441.610
131	1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	5	196.592.461.679	146.133.037.738
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		2.369.333.781	1.620.074.723
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	48.434.216.875	55.782.501.411
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5,6,7	(5.072.746.512)	(4.155.172.262)
140	III. Hàng tồn kho	8	294.889.446.664	273.596.291.775
141	1. Hàng tồn kho		297.147.795.264	274.782.982.201
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.258.348.600)	(1.186.690.426)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		6.018.362.930	24.949.976.866
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	6.018.362.930	23.788.451.809
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	1.161.525.057
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		876.422.572.543	992.261.331.141
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		11.295.384.606	10.292.107.957
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	11.295.384.606	10.292.107.957
220	II. Tài sản cố định		602.952.193.862	727.297.211.101
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	601.965.495.240	726.480.134.497
222	Nguyên giá		2.969.043.351.635	2.985.099.287.045
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.367.077.856.395)	(2.258.619.152.548)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	986.698.622	817.076.604
228	Nguyên giá		2.918.923.370	2.518.923.370
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.932.224.748)	(1.701.846.766)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		49.281.191.236	48.128.766.530
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	49.281.191.236	48.128.766.530
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		12.000.000.000	12.000.000.000
255	1. Các khoản đầu tư tài chính	13	12.000.000.000	12.000.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		200.893.802.839	194.543.245.553
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	80.887.732.302	69.842.184.454
263	2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	8	120.006.070.537	124.701.061.099
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.465.085.586.596	1.530.042.024.137

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		517.127.749.685	576.775.631.040
310	I. Nợ ngắn hạn		488.009.082.557	532.670.306.521
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	213.518.421.884	230.703.830.081
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.059.941.635	6.414.217.852
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	40.406.855.757	28.153.591.797
314	4. Phải trả người lao động		16.880.158.996	29.370.370.493
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		2.601.386.480	2.835.611.367
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	6.703.017.037	7.037.726.948
320	7. Vay ngắn hạn	17	200.814.350.397	227.630.057.983
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	18	6.024.950.371	524.900.000
330	II. Nợ dài hạn		29.118.667.128	44.105.324.519
341	1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	26.3	24.351.837.125	41.123.414.721
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	19	4.766.830.003	2.981.909.798
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		947.957.836.911	953.266.393.097
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	947.957.836.911	953.266.393.097
411	1. Vốn cổ phần		747.691.310.000	720.000.000.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết			
	-		747.691.310.000	720.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		19.138.086.811	19.138.086.811
415	3. Cổ phiếu quỹ		(28.199.462.462)	(28.199.462.462)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		208.210.192.057	208.210.192.057
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.117.710.505	34.117.576.691
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		130.000	13.592.973.701
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		1.117.580.505	20.524.602.990
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.465.085.586.596	1.530.042.024.137


Lê Thị Nhân
Người lập


Đậu Thị Nga
Kế toán trưởng


Nguyễn Quốc Việt
Tổng Giám đốc



Nghệ An, Việt Nam


Ngày 26 tháng 3 năm 2021


THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
B09-DN


vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	1.688.968.187.802	1.668.965.663.566
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	-	(16.256.407.541)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	1.688.968.187.802	1.652.709.256.025
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(1.475.102.038.834)	(1.468.983.750.732)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		213.866.148.968	183.725.505.293
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		2.129.490.260	1.337.532.904
22 23	7. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23	(15.864.220.729) (15.384.630.325)	(22.696.622.632) (22.372.717.528)
25	8. Chi phí bán hàng	24	(123.001.483.362)	(65.231.256.035)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(77.637.792.423)	(74.965.303.255)
30	10. (Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(507.857.286)	22.169.856.275
31	11. Thu nhập khác		2.262.199.957	3.123.560.401
32	12. Chi phí khác		(271.525.387)	(656.369.999)
40	13. Lợi nhuận khác		1.990.674.570	2.467.190.402
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.482.817.284	24.637.046.677
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(17.136.814.375)	-
52	16. Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại	26.3	16.771.577.596	(4.112.443.687)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		1.117.580.505	20.524.602.990
70	18. Lãi trên cổ phiếu	28		
	- Lãi cơ bản		16	196
	- Lãi suy giảm		16	196


 Lê Thị Nhân
 Người lập


 Đậu Thị Nga
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Quốc Việt
 Tổng Giám đốc


Nghệ An, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
B09-DN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		1.482.817.284	24.637.046.677
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	10,11	136.378.384.645	136.604.513.536
03	Các khoản dự phòng		3.774.152.629	4.374.283.861
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(712.183)	(383.683)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(2.577.724.030)	(1.528.567.368)
06	Chi phí lãi vay	23	15.384.630.325	22.372.717.528
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		154.441.548.670	186.459.610.551
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(42.930.586.253)	1.001.574.946
10	Tăng hàng tồn kho		(17.669.822.501)	(12.219.511.284)
11	Giảm các khoản phải trả		(35.359.686.930)	(114.215.803.050)
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		6.724.541.031	(12.527.065.660)
14	Tiền lãi vay đã trả		(15.490.265.658)	(22.459.741.991)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8.503.923.316)	-
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		7.000.000.000	6.000.000.000
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(7.926.086.320)	(16.167.806.892)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		40.285.718.723	15.871.256.620
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(9.698.927.657)	(47.558.433.069)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		826.044.138	454.545.455
27	Tiền thu lãi tiền gửi, tiền cho vay		980.116.090	1.000.248.557
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(7.892.767.429)	(46.103.639.057)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		1.347.420.177.825	1.484.814.461.232
34	Tiền trả nợ gốc vay		(1.374.235.885.411)	(1.543.888.549.289)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(26.815.707.586)	(59.074.088.057)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B09-DN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		5.577.243.708	(89.306.470.494)
60	Tiền đầu năm	4	39.853.982.745	129.160.069.556
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		712.183	383.683
70	Tiền cuối năm	4	45.431.938.636	39.853.982.745

Lê Thị Nhân
Người lập

Nghệ An, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2021

Đậu Thị Nga
Kế toán trưởngNguyễn Quốc Việt
Tổng Giám đốc

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai (“Công ty”), tiền thân là Công ty Xi măng Hoàng Mai - một doanh nghiệp nhà nước hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam (VICEM), được thành lập theo Luật doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2703001834 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp ngày 1 tháng 4 năm 2008 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 9 vào ngày 3 tháng 12 năm 2020.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh clinker và các sản phẩm xi măng, vật liệu xây dựng và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính và nhà máy tại Khối 7, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 846 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 858 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam, và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng tại Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (“VND”).

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**3.1 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán cho công cụ, dụng cụ, phụ tùng thay thế và vật tư thu hồi và phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán cho nguyên vật liệu, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang - Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên các tiêu chí phù hợp theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu bán thành phẩm, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải truyền dẫn	5 - 10 năm
Trang thiết bị văn phòng	3 - 6 năm
Phần mềm máy tính	4 - 11 năm

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các khoản dự phòng

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.14 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh clinker và các sản phẩm xi măng, vật liệu xây dựng. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	706.984.916	1.317.673.975
Tiền gửi ngân hàng	44.724.953.720	38.536.308.770
TỔNG CỘNG	45.431.938.636	39.853.982.745

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	68.849.307.576	139.034.772.059
- Sở Tài chính tỉnh Nghệ An (*)	24.573.923.952	24.573.923.952
- Công ty TNHH Thành Luân	13.125.863.912	10.766.401.962
- Công ty TNHH MTV DV&TM Dũng Trâm	3.611.009.000	11.934.988.979
- Công ty TNHH XNK&DV TM An Việt Nam	124.571.680	35.801.643.580
- Công ty TNHH Trường An	1.456.276	19.511.284.800
- Phải thu khách hàng khác	27.412.482.756	36.446.528.786
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	127.743.154.103	7.098.265.679
TỔNG CỘNG	196.592.461.679	146.133.037.738
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(4.717.746.512)	(3.800.172.262)

(*) Đây là khoản công nợ phải thu Sở Tài chính tỉnh Nghệ An đối với hoạt động cung ứng xi măng cho Dự án giao thông nông thôn và phát sinh trong các năm 2016 và 2017. Do Sở Tài chính Nghệ An chưa thể thu xếp nguồn kinh phí ngân sách để trả nợ Công ty đúng thời hạn hợp đồng. Cục thuế tỉnh Nghệ An đã có văn bản cho phép Công ty được nợ các khoản thuế tương ứng với khoản nợ phải thu mà Sở Tài chính tỉnh Nghệ An chưa thanh toán đúng hạn cho Công ty theo quy định.

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
Ngắn hạn				
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng dự án đô thị Quỳnh Vinh (*)	34.790.316.991	-	29.309.704.000	-
Tạm ứng cho nhân viên Phải thu tiền do điều chỉnh tỷ lệ tính phí tư vấn	4.897.318.002	-	5.938.163.095	-
Chi hệ dự án Đường tránh Ngã Ba Đồng Lộc	-	-	11.345.320.726	-
Phải thu chi phí liên quan đến Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu và Dịch vụ Thương mại Viết Nam	1.876.567.675	-	3.349.751.965	-
Tiền lãi phải thu	708.556.200	-	415.501.000	-
Cho vay	355.000.000	(355.000.000)	355.000.000	(355.000.000)
Hỗ trợ người lao động và công tác an sinh xã hội	-	-	3.337.587.653	-
Các khoản phải thu khác	1.764.350.547	-	1.280.494.343	-
TỔNG CỘNG	48.434.216.875	(355.000.000)	55.782.501.411	(355.000.000)
Dài hạn				
Đặt cọc, ký cược, ký quỹ	11.295.384.606	-	10.292.107.957	-
TỔNG CỘNG	11.295.384.606	-	10.292.107.957	-
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu khác</i>	55.122.270.621	(355.000.000)	65.562.743.339	(355.000.000)
<i>Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	4.607.330.860	-	511.866.029	-

(*) Đây là khoản tiền bồi thường chi phí giải phóng mặt bằng cho Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của Ủy ban Nhân dân thị xã Hoàng Mai để thực hiện dự án Khu Đô thị Xi măng Hoàng Mai tại xã Quỳnh Vinh. Đến thời điểm của báo cáo tài chính này, Công ty đang triển khai các thủ tục để chuyển nhượng Dự án này căn cứ theo các quyết định của Tổng giám đốc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam và Hội đồng Quản trị Công ty.

7. NỢ XẤU

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>
Công ty Cổ phần xi măng Puzolan	2.658.439.332	-	2.658.439.332	-
Khác	2.414.307.180	-	1.496.732.930	-
TỔNG CỘNG	5.072.746.512	-	4.155.172.262	-

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Ngắn hạn				
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	125.463.487.759	-	107.761.122.266	-
Nguyên liệu, nhiên liệu tồn kho	65.391.279.789	(113.567.120)	78.093.897.880	(113.872.040)
Vật tư, phụ tùng, công cụ, dụng cụ	45.241.411.275	(1.048.924.790)	61.642.469.746	(1.072.818.386)
Thành phẩm	61.051.616.441	(1.095.856.690)	27.285.492.309	-
TỔNG CỘNG	297.147.795.264	(2.258.348.600)	274.782.982.201	(1.186.690.426)
Dài hạn				
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	120.006.070.537	-	124.701.061.099	-
TỔNG CỘNG	120.006.070.537	-	124.701.061.099	-

Một phần giá trị hàng tồn kho đã được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn như được trình bày trong Thuyết minh số 17.

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đơn vị tính: VND

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	1.186.690.426	1.192.330.393
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	1.095.856.690	-
Trừ: Sử dụng dự phòng trong năm	(24.198.516)	(5.639.967)
Số cuối năm	2.258.348.600	1.186.690.426

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Chi phí sửa chữa phân bổ (*)	3.619.076.983	15.741.967.998
Chi phí gạch chịu lửa và phụ kiện (*)	28.931.808	5.851.710.820
Chi phí tiêu hao tấm lót và bi đạn (*)	1.202.754.038	1.304.666.665
Phí bảo hiểm	838.712.013	890.106.326
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	328.888.088	-
TỔNG CỘNG	6.018.362.930	23.788.451.809
Dài hạn		
Chi phí sửa chữa phân bổ (*)	47.506.314.934	39.202.293.615
Chi phí gạch chịu lửa và phụ kiện (*)	22.164.244.032	12.295.918.425
Chi phí tiêu hao tấm lót và bi đạn (*)	2.677.291.830	8.451.334.596
Chi phí sửa chữa nhà cửa, vật kiến trúc	5.206.328.290	7.399.870.738
Chi phí chuyển đổi mục đích sử dụng đất mở đá vôi (Hoàng Mai B)	2.396.272.872	2.492.767.080
Chi phí trả trước dài hạn khác	937.280.344	-
TỔNG CỘNG	80.887.732.302	69.842.184.454

(*) Chủ yếu là chi phí thay thế phụ tùng, vật tư phát sinh và được phân bổ vào giá thành sản xuất dựa trên tuổi thọ kỹ thuật của vật tư, phụ tùng sử dụng và thời gian dự kiến thay thế lần kế tiếp. Công ty đã thực hiện phân bổ các chi phí vật tư, thiết bị, phụ tùng xuất dùng cho sửa chữa lớn kể từ thời điểm phát sinh chi phí.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**B09-DN**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Trang thiết bị văn phòng</i>	<i>Đơn vị tính: VND Tổng cộng</i>
Nguyên giá:					
Số đầu năm	810.189.551.347	2.119.578.568.499	42.501.619.423	12.829.547.776	2.985.099.287.045
- Mua trong năm	851.814.707	9.456.042.699	-	419.530.000	10.727.387.406
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	905.980.000	-	-	905.980.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	(25.096.319.180)	(2.592.983.636)	-	(27.689.302.816)
Số cuối năm	<u>811.041.366.054</u>	<u>2.104.844.272.018</u>	<u>39.908.635.787</u>	<u>13.249.077.776</u>	<u>2.969.043.351.635</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	<i>105.634.092.351</i>	<i>65.154.732.276</i>	<i>20.702.817.435</i>	<i>10.323.641.776</i>	<i>201.815.283.838</i>
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	390.934.005.042	1.822.566.122.682	34.583.081.978	10.535.942.846	2.258.619.152.548
- Khấu hao trong năm	26.592.710.688	105.509.588.024	2.313.069.122	1.732.638.829	136.148.006.663
- Thanh lý, nhượng bán	-	(25.096.319.180)	(2.592.983.636)	-	(27.689.302.816)
Số cuối năm	<u>417.526.715.730</u>	<u>1.902.979.391.526</u>	<u>34.303.167.464</u>	<u>12.268.581.675</u>	<u>2.367.077.856.395</u>
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	<u>419.255.546.305</u>	<u>297.012.445.817</u>	<u>7.918.537.445</u>	<u>2.293.604.930</u>	<u>726.480.134.497</u>
Số cuối năm	<u>393.514.650.324</u>	<u>201.864.880.492</u>	<u>5.605.468.323</u>	<u>980.496.101</u>	<u>601.965.495.240</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, một phần nhà cửa, vật kiến trúc và một số máy móc thiết bị đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ các ngân hàng (Thuyết minh số 17).

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Phần mềm máy tính</i>	
Nguyên giá:		
Số đầu năm		2.518.923.370
Tăng trong năm		400.000.000
Số cuối năm		<u>2.918.923.370</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Đã hao mòn hết</i>		1.482.223.370
Giá trị hao mòn lũy kế:		
Số đầu năm		1.701.846.766
Hao mòn trong năm		230.377.982
Số cuối năm		<u>1.932.224.748</u>
Giá trị còn lại:		
Số đầu năm		<u>817.076.604</u>
Số cuối năm		<u><u>986.698.622</u></u>

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dự án Hoàng Mai II (*)	25.338.682.024	23.840.847.476
Mỏ đá vôi Hoàng Mai B - giai đoạn III (**)	21.858.500.330	21.858.500.330
Dự án hỗn hợp nhà ở Văn phòng và DVTM Vinh	707.528.924	707.528.924
Mua sắm tài sản cố định	-	1.145.980.000
Các công trình khác	1.376.479.958	575.909.800
TỔNG CỘNG	<u>49.281.191.236</u>	<u>48.128.766.530</u>

(*) Đây là các khoản chi phí đầu tư ban đầu cho Dự án Xi măng Hoàng Mai II, chủ yếu là chi phí thăm dò mỏ. Dự án này bao gồm các hạng mục là (i) một trạm nghiền xi măng công suất 1.800.000 tấn xi măng/năm tại Khu Công nghiệp Đông Hội, thị xã Hoàng Mai, và (ii) dây chuyền lò nung clinker công suất 6.000 tấn clinker/ngày tại xã Quỳnh Vinh, thị xã Hoàng Mai, Nghệ An. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Dự án này đang trong quá trình xin phê duyệt Giấy Chứng nhận Đầu tư.

(**) Đây là chi phí đầu tư liên quan đến việc nâng cấp trữ lượng khai thác của mỏ đá vôi Hoàng Mai B, chủ yếu bao gồm (i) chi phí giải phóng mặt bằng, (ii) thăm dò, nâng cấp trữ lượng, cấp giấy phép Mỏ đá vôi Hoàng Mai B. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty đang trong quá trình xin phê duyệt giấy phép nâng trữ lượng khai thác.

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. DẦU TƯ TÀI CHÍNH DẠI HẠN

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Trái phiếu ngân hàng	12.000.000.000	12.000.000.000

Đây là khoản đầu tư vào trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam có thời hạn 10 năm, đáo hạn ngày 14 tháng 12 năm 2027 và hưởng lãi suất thả nổi bằng với lãi suất tham chiếu (trung bình lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng được niêm yết của 4 ngân hàng Vietcombank, Vietinbank, BIDV và Agribank) + 1,2%/năm. Tiền lãi trái phiếu được trả hàng năm và gốc được thanh toán tại thời điểm đáo hạn. Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam được quyền mua lại trước hạn toàn bộ trái phiếu đã phát hành này với giá mua lại bằng mệnh giá tại thời điểm tròn 5 năm kể từ ngày phát hành.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Số dư</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Số dư</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Phải trả ngắn hạn cho người bán	182.471.699.796	182.471.699.796	202.813.735.755	202.813.735.755
- Công ty TNHH Thương mại Thành Công	-	-	25.582.852.561	25.582.852.561
- Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh	42.130.811.614	42.130.811.614	24.850.444.585	24.850.444.585
- Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Đại Dương	24.531.332.078	24.531.332.078	11.244.074.940	11.244.074.940
- Phải trả người bán khác	115.809.556.104	115.809.556.104	141.136.363.669	141.136.363.669
Phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	31.046.722.088	31.046.722.088	27.890.094.326	27.890.094.326
TỔNG CỘNG	213.518.421.884	213.518.421.884	230.703.830.081	230.703.830.081

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã nộp trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp (<i>Thuyết minh số 26.1</i>)	-	17.136.814.375	8.503.923.316	8.632.891.059
Thuế giá trị gia tăng	3.936.608.878	12.842.606.700	9.555.354.058	7.223.861.520
Thuế tài nguyên	12.056.202.748	14.354.836.561	14.111.150.158	12.299.889.151
Tiền thuê đất	4.353.698.001	5.491.297.000	5.491.297.000	4.353.698.001
Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	1.706.583.925	2.478.453.898	2.490.215.000	1.694.822.823
Phí bảo vệ môi trường	5.889.709.576	7.274.924.879	7.180.160.676	5.984.473.779
Thuế thu nhập cá nhân	210.788.669	681.303.348	674.872.593	217.219.424
Khác	-	372.188.045	372.188.045	-
TỔNG CỘNG	28.153.591.797	60.632.424.806	48.379.160.846	40.406.855.757

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Cổ tức phải trả cho cổ đông	2.036.580.150	2.038.955.150
Chi phí vận tải (*)	1.873.342.333	1.873.342.333
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn	618.777.885	329.138.845
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	2.174.316.669	2.796.290.620
TỔNG CỘNG	6.703.017.037	7.037.726.948

(*) Đây là chi phí vận tải phải trả cho Công ty TNHH Thành Luân liên quan đến dự án Giao thông nông thôn. Theo yêu cầu của Sở Tài chính tỉnh Nghệ An, khoản phải thu của Công ty TNHH Thành Luân đối với Sở Tài chính Tỉnh Nghệ An liên quan tới dịch vụ vận chuyển xi măng cung ứng cho Dự án giao thông nông thôn được chuyển giao cho Công ty để làm đầu mối thu nợ tập trung với Sở Tài chính Tỉnh Nghệ An (Thuyết minh số 5). Theo đó, Công ty sẽ thanh toán cho Công ty TNHH Thành Luân khi nhận được phần thanh toán tương ứng từ Sở Tài chính Tỉnh Nghệ An.

17. VAY NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	<i>Số đầu năm</i>		<i>Trong năm</i>		<i>Số cuối năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Tăng</i>	<i>Giảm</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Vay ngân hàng	227.630.057.983	227.630.057.983	1.347.420.177.825	1.374.235.885.411	200.814.350.397	200.814.350.397
TỔNG CỘNG	227.630.057.983	227.630.057.983	1.347.420.177.825	1.374.235.885.411	200.814.350.397	200.814.350.397

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	15.925.991.005	6 tháng và đáo hạn từ ngày 9 tháng 6 năm 2021 đến ngày 16 tháng 6 năm 2021. Tiền lãi trả hàng tháng.	4,8% - 5%	Vay tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành Công	39.099.924.800	5 tháng và đáo hạn vào ngày 27 tháng 4 năm 2021. Tiền lãi trả hàng tháng.	5%	Một số phương tiện vận tải, máy móc thiết bị và hàng tồn kho
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Diễn	145.788.434.592	3 tháng và đáo hạn từ ngày 28 tháng 2 năm 2021 đến ngày 31 tháng 3 năm 2021. Tiền lãi trả hàng tháng.	4,7% - 5%	Một số nhà xưởng, công trình xây dựng của Dây chuyền sản xuất xi măng Hoàng Mai.
Tổng cộng	200.814.350.397			

18. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	524.900.000	3.351.483.143
Trích lập trong năm (<i>Thuyết minh số 20.1</i>)	6.426.136.691	7.341.223.749
Bên liên quan ủng hộ/ hỗ trợ Công ty (<i>Thuyết minh số 27</i>)	7.000.000.000	6.000.000.000
Sử dụng trong năm	<u>(7.926.086.320)</u>	<u>(16.167.806.892)</u>
Số cuối năm	<u>6.024.950.371</u>	<u>524.900.000</u>

19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng phải trả phí hoàn nguyên môi trường	<u>4.766.830.003</u>	<u>2.981.909.798</u>
TỔNG CỘNG	<u>4.766.830.003</u>	<u>2.981.909.798</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-DN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**20.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần đã góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước						
Số đầu năm	720.000.000.000	19.138.086.811	(28.199.462.462)	208.210.192.057	20.934.197.450	940.083.013.856
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	20.524.602.990	20.524.602.990
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(7.341.223.749)	(7.341.223.749)
Số cuối năm	720.000.000.000	19.138.086.811	(28.199.462.462)	208.210.192.057	34.117.576.691	953.266.393.097
Năm nay						
Số đầu năm	720.000.000.000	19.138.086.811	(28.199.462.462)	208.210.192.057	34.117.576.691	953.266.393.097
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu (*)	27.691.310.000	-	-	-	(27.691.310.000)	-
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	1.117.580.505	1.117.580.505
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(6.426.136.691)	(6.426.136.691)
Số cuối năm	747.691.310.000	19.138.086.811	(28.199.462.462)	208.210.192.057	1.117.710.505	947.957.836.911

(*) Việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi, trả cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế lũy kế đến cuối năm 2019 được thực hiện theo Nghị quyết số 02/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020.

20.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	531.354.720.000	531.354.720.000	-	510.918.000.000	510.918.000.000	-
Các cổ đông khác	216.336.590.000	216.336.590.000	-	209.082.000.000	209.082.000.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	19.138.086.811	19.138.086.811	-	19.138.086.811	19.138.086.811	-
Cổ phiếu quỹ	(28.199.462.462)	(28.199.462.462)	-	(28.199.462.462)	(28.199.462.462)	-
TỔNG CỘNG	738.629.934.349	738.629.934.349	-	710.938.624.349	710.938.624.349	-

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.3 Cổ tức

	Năm nay	Đơn vị tính: VND Năm trước
Cổ tức đã công bố và đã trả trong năm		
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông	27.691.310.000	-
Trả cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ phát hành 4:100 mệnh giá/cổ phiếu)	27.691.310.000	-

20.4 Cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu ưu đãi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	74.769.131	72.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	74.769.131	72.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông	74.769.131	72.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(2.771.400)	(2.771.400)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	71.997.731	69.228.600
Số lượng cổ phiếu phổ thông	71.997.731	69.228.600

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng Việt Nam (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 10.000 đồng Việt Nam).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là HOM.

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng doanh thu	1.688.968.187.802	1.668.965.663.566
Doanh thu bán xi măng và clinker	1.686.230.707.982	1.653.790.680.348
Doanh thu khác	2.737.479.820	19.920.747.444
Giảm trừ doanh thu khác	-	(4.745.764.226)
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	16.256.407.541
Hàng bán bị trả lại	-	16.256.407.541
Doanh thu thuần	<u>1.688.968.187.802</u>	<u>1.652.709.256.025</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu từ bên khác</i>	1.505.388.137.526	1.623.962.112.593
<i>Doanh thu từ bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh số 27)</i>	183.580.050.276	28.747.143.432

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn bán xi măng và clinker	1.474.799.395.184	1.461.353.011.944
Giá vốn bán sản phẩm khác	302.643.650	12.376.503.014
Giảm trừ giá vốn khác	-	(4.745.764.226)
TỔNG CỘNG	<u>1.475.102.038.834</u>	<u>1.468.983.750.732</u>

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay	15.384.630.325	22.372.717.528
Lỗ chênh lệch tỷ giá	479.590.404	57.702.104
Chi phí tài chính khác	-	266.203.000
TỔNG CỘNG	<u>15.864.220.729</u>	<u>22.696.622.632</u>

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí bán hàng		
Chi phí bốc xếp, vận chuyển	60.917.928.929	17.672.374.757
Chi phí khuyến mại, hỗ trợ tiêu thụ	24.533.133.012	8.325.277.955
Chi phí tiền công, tiền lương và các khoản trích theo lương	11.733.038.171	10.364.631.565
Chi phí hội nghị, tiếp khách	5.447.822.312	7.955.165.052
Chi phí quảng cáo, giới thiệu sản phẩm	4.704.676.435	3.741.042.923
Chi phí chuyển giao bí quyết bán hàng	57.850.538	2.697.497.957
Chi phí khác	15.607.033.965	14.475.265.826
	123.001.483.362	65.231.256.035
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí tiền công, tiền lương và các khoản trích theo lương	34.891.255.153	28.522.376.395
Chi phí khấu hao	7.504.652.516	6.966.563.094
Chi phí hội nghị, tiếp khách	9.831.047.337	9.271.608.675
Chi phí chuyển giao bí quyết doanh nghiệp	63.320.175	2.296.993.624
Chi phí khác	25.347.517.242	27.907.761.467
	77.637.792.423	74.965.303.255

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	792.579.188.906	847.497.070.333
Chi phí dịch vụ mua ngoài	403.629.464.909	362.780.561.251
Chi phí nhân công	129.172.652.959	139.220.601.986
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	136.378.384.645	136.604.513.536
Chi phí khác	162.513.133.575	139.439.316.327
TỔNG CỘNG	1.624.272.824.994	1.625.542.063.433

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi về sau theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	17.136.814.375	-
(Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	<u>(16.771.577.596)</u>	<u>4.112.443.687</u>
TỔNG CỘNG	<u>365.236.779</u>	<u>4.112.443.687</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.482.817.284	24.637.046.677
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	296.563.457	4.927.409.335
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Các khoản chi phí không được khấu trừ thuế khác	103.872.333	157.767.525
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>		
Lỗi năm trước chuyển sang	<u>(35.199.011)</u>	<u>(972.733.173)</u>
Chi phí thuế TNDN	<u>365.236.779</u>	<u>4.112.443.687</u>

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Đơn vị tính: VND

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Chênh lệch khấu hao tài sản tạm thời	24.351.837.125	41.123.414.721	16.771.577.596	(4.112.443.687)
	24.351.837.125	41.123.414.721		
Thu nhập/(chi phí) thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh			16.771.577.596	(4.112.443.687)

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam ("Tổng Công ty")	Công ty mẹ	Phí tư vấn (*) Ủng hộ quỹ khen thưởng, phúc lợi Công ty Trả cổ tức bằng cổ phiếu	121.170.713 7.000.000.000 20.436.720.000	4.994.491.581 - -
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Gia công xi măng xuất khẩu	-	9.513.458.180
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua thạch cao	7.444.179.274	15.511.418.182
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua vỏ bao xi măng	6.454.669.300	9.304.315.800
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua vỏ bao xi măng	2.516.382.750	844.184.000
Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua vỏ bao xi măng	3.774.151.500	2.285.810.500
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	Đơn vị thành viên cùng Tổng công ty	Mua xi măng rời Doanh thu gia công xi măng	32.876.418.543 35.287.822.720	- -
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Đơn vị thành viên cùng Tổng công ty	Gia công xi măng Doanh thu bán clinker	12.645.808.553 135.646.419.003	11.192.066.350 17.555.077.082
		Ủng hộ quỹ khen thưởng, phúc lợi Công ty	-	3.000.000.000
Công ty TNHH MTV Xi măng Hoàng Thạch	Đơn vị thành viên cùng Tổng công ty	Ủng hộ quỹ khen thưởng, phúc lợi Công ty	-	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	Đơn vị thành viên cùng Tổng công ty	Mua than cám	78.708.637.698	146.919.398.789

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Công ty mua bán hàng hóa và dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 0). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ báo cáo thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan.

(*) Theo hợp đồng tư vấn chuyển giao kỹ năng quản lý và phát triển thị trường và hợp đồng tư vấn quản trị doanh nghiệp và các phụ lục hợp đồng ký giữa Tổng Công ty Xi măng Việt Nam và Công ty, Công ty sẽ trả khoản phí hàng năm theo từng hợp đồng cho Tổng Công ty. Theo đó, tổng phí tư vấn chuyển giao kỹ năng quản lý và phát triển thị trường và phí tư vấn quản trị doanh nghiệp sẽ được xác định theo tỷ lệ là 0,002% trên doanh thu tiêu thụ clinker và 0,005% trên doanh thu tiêu thụ xi măng và 0,001% trên doanh thu tiêu thụ xi măng thuê gia công ngoài (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 0,2% trên doanh thu tiêu thụ clinker và 0,3% tính trên doanh thu tiêu thụ xi măng và 0,1% trên doanh thu tiêu thụ xi măng thuê gia công thuê ngoài).

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn khách hàng (Thuyết minh số 5)</i>				
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Phải thu tiền bán clinker	95.084.005.486	6.999.311.792
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Phải thu tiền gia công xi măng	32.561.831.794	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Phải thu tiền gia công xi măng	97.316.823	98.953.887
			127.743.154.103	7.098.265.679
<i>Phải thu khác (Thuyết minh số 6)</i>				
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Phải thu vật tư cho mượn	565.223.400	60.887.400
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Trả trước phí tư vấn quản trị doanh nghiệp	4.042.107.460	450.978.629
			4.607.330.860	511.866.029

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14)				
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua vỏ bao	3.188.104.132	2.803.514.922
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua thạch cao	2.997.639.960	6.614.847.200
Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua vỏ bao	2.819.954.472	1.859.437.690
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bím Sơn	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua vỏ bao	1.015.373.205	928.602.400
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua vỏ bao	46.141.400	46.141.400
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Phí quản lý	-	224.687.600
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Phí gia công xi măng bao	-	1.637.064
Công ty Cổ phần Năng Lượng và Môi trường Vicem	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua than cám	20.979.508.919	15.411.226.050
			31.046.722.088	27.890.094.326

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị ("HĐQT") và Ban kiểm soát:

Tên	Chức vụ	Đơn vị tính: VND	
		Thu nhập (*)	
		Năm nay	Năm trước
Ông Đinh Quang Dũng	Chủ tịch HĐQT	96.000.000	96.000.000
Ông Nguyễn Quốc Việt	Thành viên HĐQT/Tổng Giám Đốc	572.689.710	605.511.106
Ông Trần Đức Danh	Thành viên HĐQT	72.000.000	72.000.000
Ông Lê Trung Kiên	Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám Đốc	506.900.740	446.388.427
Bà Đậu Thị Nga	Thành viên HĐQT (từ ngày 17 tháng 6 năm 2020)	209.369.087	-
Ông Trần Việt Hồng	Thành viên HĐQT (đến ngày 17 tháng 6 năm 2020)	33.000.000	526.723.873
Ông Đặng Ngọc Long	Phó Tổng Giám đốc	450.833.103	474.420.545
Ông Lê Quý Thạch	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1 tháng 12 năm 2019)	-	131.463.337
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Trưởng Ban kiểm soát	269.589.928	282.514.347
Ông Thái Huy Chương	Thành viên	166.905.251	161.829.905
Ông Cao Trọng Nghiên	Thành viên	177.070.195	173.670.463
		2.554.358.014	2.970.522.003

(*) Thu nhập này bao gồm tiền lương, thù lao, tiền thưởng.

28. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.117.580.505	20.524.602.990
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(6.426.136.691)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	1.117.580.505	14.098.466.299
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (**)	71.997.731	71.997.731
<i>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</i>	<i>16</i>	<i>196</i>
<i>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</i>	<i>16</i>	<i>196</i>

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính năm 2019 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 02/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 6 năm 2020.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế của năm 2020.

(**) Bình quân gia quyền của cổ phiếu (không bao gồm cổ phiếu quỹ) cho năm 2019 đã được điều chỉnh lại so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính năm 2019 để phản ánh việc phát hành cổ phiếu từ lợi nhuận chưa phân phối trong năm 2020.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào trong năm và cho đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính năm 2020 có thể có ảnh hưởng suy giảm lãi trên mỗi cổ phiếu.

29. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết tiền thuê đất

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê đất phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	6.628.896.128	4.353.698.000
Từ 1 - 5 năm	12.858.286.368	7.544.194.800
Trên 5 năm	56.604.698.260	12.062.984.475
TỔNG CỘNG	76.091.880.756	23.960.877.275

Cam kết và nợ tiềm tàng về phí cấp quyền khai thác khoáng sản

Theo Nghị định số 203/2013/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 28 tháng 11 năm 2013, Công ty có nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho khoáng sản được khai thác từ mỏ đá và mỏ đá sét của Công ty từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 và đến hết thời hạn trên giấy phép khai khoáng của Công ty. Tuy nhiên, theo Công văn số 723/TTg-KTN ngày 21 tháng 5 năm 2014, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Tài nguyên và Môi trường báo cáo trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét việc hồi tố thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 đến ngày 20 tháng 1 năm 2014 và hiện tại Ủy ban Thường vụ Quốc hội chưa có ý kiến kết luận chính thức về việc thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013. Trên cơ sở đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty chưa ghi nhận nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho đến hết năm 2013 trên báo cáo tài chính.

Ngoài ra, theo Quyết định số 92/QĐ-BTNMT ngày 16 tháng 1 năm 2015 của Bộ Tài nguyên Môi trường phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, Công ty có nghĩa vụ nộp số tiền phí cấp quyền khai thác khoáng sản cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến hết thời gian cấp phép ngày 31 tháng 12 năm 2042. Theo đó, số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản còn phải nộp tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 33 tỷ VND.

Cam kết về phí cải tạo và phục hồi môi trường

Căn cứ theo các công văn thông báo và hướng dẫn của UBND tỉnh Nghệ An và Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Nghệ An và Quyết định số 2921/QĐ-BTNMT ngày 20 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án khai thác và sử dụng của mỏ đá vôi Hoàng Mai B và mỏ sét Quỳnh Vinh mà Công ty được cấp giấy phép khai thác, Công ty có các cam kết liên quan tới việc chi trả chi phí cải tạo phục hồi môi trường tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2020.

Cụ thể, đối với mỏ đá vôi Hoàng Mai B và mỏ sét Quỳnh Vinh giai đoạn 1, tổng số tiền phải ký quỹ là 798.971.000 đồng cho giai đoạn từ năm 2009 tới năm 2025. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty còn phải nộp số tiền ký quỹ còn lại là 170.290.091 VND.

Đối với mỏ đá vôi Hoàng Mai B giai đoạn 2, tổng số tiền ký quỹ là 471.484.000 VND cho giai đoạn từ năm 2009 đến năm 2025. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, số tiền phải ký quỹ còn phải nộp là 17.729.150 VND.

Đối với mỏ đá vôi Hoàng Mai để nâng công suất lên 2,4 triệu tấn/năm, tổng số tiền ký quỹ là 26.864.440.000 đồng. Theo đó, số tiền phải ký quỹ lần đầu là 4.029.666.000 đồng và số tiền ký quỹ cho từng năm (giai đoạn từ năm 2021 tới năm 2049) là 787.406.000 đồng.

29. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)

Nợ tiềm tàng về thuế tài nguyên

Công ty có nghĩa vụ phải tính và nộp thuế tài nguyên theo hướng dẫn tại Thông tư số 152/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 2 tháng 10 năm 2015 hướng dẫn về thuế tài nguyên (có hiệu lực từ ngày 20 tháng 11 năm 2015) và Thông tư 44/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 12 tháng 5 năm 2017 quy định về khung giá tính thuế tài nguyên (có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2017). Theo quy định tại các Thông tư này, giá tính thuế tài nguyên được xác định căn cứ vào giá bán (trường hợp tiêu thụ trong nước) hoặc trị giá hải quan (đối với trường hợp xuất khẩu) của sản phẩm công nghiệp bán ra trừ thuế xuất khẩu (nếu có) và chi phí chế biến công nghiệp của công đoạn chế biến từ sản phẩm tài nguyên thành sản phẩm công nghiệp. Cũng theo quy định tại các Thông tư này, chi phí chế biến được xác định phải căn cứ theo hướng dẫn của các Bộ quản lý nhà nước chuyên ngành, Bộ Tài chính và do Sở Tài chính các tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan thuế, cơ quan tài nguyên môi trường và cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành có liên quan thống nhất xác định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định. Tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa nhận được các hướng dẫn chi tiết từ các cơ quan quản lý nhà nước về cách xác định chi phí chế biến để làm cơ sở xác định giá tính thuế tài nguyên theo hướng dẫn của các Thông tư này. Do đó, cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty hiện đang áp dụng giá tính thuế theo các quy định của Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành theo Quyết định số 73/2017/QĐ-UBND ngày 1 tháng 12 năm 2017 và Công ty chưa thể xác định được các ảnh hưởng (nếu có) liên quan đến nghĩa vụ thuế Tài nguyên phải nộp bổ sung hoặc sẽ được hoàn trả lại từ cơ quan thuế địa phương nếu phải áp dụng giá tính thuế mới.

30. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ		
USD	420	307,56
EUR	660,78	666,28

31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Lê Thị Nhân
Người lập



Đậu Thị Nga
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Việt
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2021